

## **Chương VII**

### **PHÁP CHIẾM HÀ NỘI LẦN THỨ NHẤT (1873):**

Sau khi xin cắt đất đầu hàng Prussia, chính phủ Pháp hăm hở tìm mọi cách khai thác tài lực ở các chân trời xa lạ để có thể giảm bớt gánh nặng bồi thường chiến phí. Tuy nhiên, mối quan tâm hàng đầu của Pháp trong thời gian này vẫn là Châu Phi và Bắc Mỹ. Vấn đề Viễn Đông chỉ ở mức thứ yếu.

Ngày 15/2/1871, Louis Charles Pothuau lên nắm Bộ Hải quân & Thuộc địa. Gần hai tháng sau, ngày 2/4, Pothuau cử Đô đốc Marie-Jules Dupré (Du-bi-lê, 1813-1881) làm Thống đốc Nam Kỳ. Giống như hầu hết các Đô đốc/Thống đốc đương thời, Dupré được lệnh uyển chuyển hành động để bắt triều đình Huế ký hiệp ước bảo hộ, nhượng đứt sáu tỉnh miền Nam cho Pháp, đồng thời mở đường thông thương lên Vân Nam qua ngã sông Hồng.

Dòng sông Hồng bỗng dưng được đặc biệt quan tâm vì chuyên thám hiểm sông Cửu Long của Hải quân Trung tá Louis Marie de Gonzague Doudart de Lagrée trong hai năm 1866-1867 cho thấy sông Cửu Long không giao thông được tới Vân Nam; chỉ còn hy vọng sông Hồng là cửa ngõ thuận tiện nhất thay cho tuyến đường bộ vất vả, tốn kém xuyên Hoa Nam. Các nhà doanh thương ở Lyon, Bordeaux và Marseille bèn áp lực Paris tu chính hoà ước 1862, để có thể sử dụng sông Hồng. Phần các nhà truyền giáo Pháp vẫn không hề mệt mỏi trong nỗ lực thực hiện giấc mộng thành lập một vương quốc Ki-tô độc lập với triều đình Huế—vì theo họ, những cố vấn khả tín về chính trị, văn hóa và kinh tế, Bắc Kỳ nói riêng, Đường Ngoài nói chung, đã bị An Nam chinh phục, biến thành một thứ chư hầu, trong hệ thống công lễ bắt chước Trung Hoa. Tuy nhiên, Paris có những chỉ thị rõ ràng về Bắc Kỳ: **Ngân sách Bộ Thuộc Địa không cho phép Dupré mở một cuộc hành quân tốn kém ra miền Bắc.**

#### **I. DUPUIS GÂY RỐI Ở MIỀN BẮC:**

Thời gian này, một lái buôn Pháp hoạt động ở Hoa Nam là Jean Dupuis (Đồ Phở Nghĩa) đã đạt được giao kèo buôn bán với quan quân Thanh ở Vân Nam, vì quân Thanh cần khí giới chống lại cuộc nổi dậy của giáo dân

Muslim. Ngày 12/6/1868, Dupuis gặp Francis Garnier, trưởng phái đoàn thám hiểm sông Cửu Long, khi Garnier mang xác Doudart de Lagrée tới Thượng Hải. Garnier khuyên Dupuis nên thám hiểm sông Hồng, tức sông Cái, phát nguyên từ Hoa Nam, đổ ra Vịnh Bắc Kỳ tại hai cửa sông chính là Cửa Cẩm và cửa Lác tức Ba Lạt. Cuối năm 1869, từ Thượng Hải, Dupuis mang hàng hoá cho Thống chế Mã Như Long(?). Tháng 2/1871, từ Vân Nam, Dupuis dùng thuyền nhẹ xuôi sông Hồng xuống Bắc Việt để do thám thủy lộ này. Dọc đường, Dupuis mật ước được với Lưu Vĩnh Phúc, thủ lĩnh Cờ Đen, và Hoàng Sùng Anh, thủ lĩnh giặc Cờ Vàng, để họ bảo đảm an ninh.

Đầu năm 1872, Dupuis trở lại Pháp mua vũ khí và được Pothuau viết thư giới thiệu với tân Thống đốc Dupré. Dupuis còn xin 1 pháo hạm ra Huế để thương thuyết về việc lưu thông trên sông Hồng. (1)

1. Thư ngày 9/4/1872, Pothuau gửi Dupré; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 31, pp 67-72, 158-159; Georges Taboulet, *La geste française en Indochine: Histoire par les textes de la France en Indochine des origines à 1914*, 2 tập (Paris: Maisonneuve, 1955-1956), II:684-685; Nguyễn Xuân Thọ, *Bước mở đầu của sự thiết lập hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)* (Paris: 1995), tr 160-161. Sở Lịch Sử Hải Quân tại Chateaux de Vincennes, ngoại ô Paris, có Tư liệu Taboulet, gồm nhiều dữ liệu tác giả đã thu thập để hoàn tất bộ *La geste française en Indochine*.

Trước khi đi sâu vào chi tiết đánh chiếm Hà Nội của Pháp, nên nhấn mạnh là khối văn sử về **Jean Dupuis** khá phong phú, nhưng phần lớn chỉ nhằm **cung văn** hay **đào mộ**. Tập “nhật ký” của Dupuis—tức *La conquête du Tong-kin par vingt-sept Français* [*Cuộc chinh phục Bắc Kỳ với 27 người Pháp*], do Jules Gros hiệu đính (Paris: Maurice Dreyfoux, 1888), pp 236-237; và, *Journal de voyage et d’expédition. Evénements du Tonkin (1872-1873)* [*Nhật ký du lịch và thám hiểm: Những biến cố ở Bắc Kỳ (1872-1873)*], pp 275, 276—hay, Romané du Caillaud, *Histoire de l’intervention française au Tonkin* [*Lịch sử cuộc can thiệp của*

*Pháp tại Bắc Kỳ*] (Paris: 1880), chúng tỏ tình thần tự tôn và phô trương quá đáng kiểu “đánh chiếm Hà Nội” chỉ với “27 hay 17 người Pháp,” loại sự thực dã sử mà chỉ những người mới đẻ ngày hôm trước có thể tiêu hóa hay tán thưởng. Chúng tôi chưa được tham khảo nguyên bản nhật ký của Dupuis, chỉ dựa theo trích dẫn của các tác giả khác, như Nguyễn Văn Phong, *La société Vietnamienne de 1882 à 1902* (Paris: Presses universitaires de France, 1971,” pp 205, 275, Ở lần hiệu đính này, chúng tôi cố gắng **tỉ đối bốn nguồn tư liệu chính** là **(1) thực lục và châu bản** đời Hoàng Nhiệm, **(2)** tư liệu trong Sử lịch sử Hải quân (SHM, Chateaux de Vincennes), đặc biệt là các tư liệu tư của đô đốc Jauréguiberry và Page, hay Georges Taboulet; Sử lịch sử lục quân Pháp, (SHAT, Chateaux de Vincennes, Paris). văn khố bộ Hải Quân và Thuộc Địa ở Oudinot, Paris (AOM), và Trung tâm các Văn Khố hải ngoại ở Aix-en Provence (DOM), hiện tập trung thành Trung Tâm Các Văn Khố Hải Ngoại (CAOM, Aix); Văn khố Trung ương Paris (AN), **(3)** Thư viện báo chí tại Versailles, hiện đã dời về Thư viện Mitterand ở quận 13, Paris. **(4)** Văn khố Hội truyền giáo trên rue de Bac, Paris, đặc biệt là báo cáo của Paul Puginier.

Tháng 1/1872, Dupré sai Hải quân Trung tá Senez mang tàu *Bourayne* [*Bô Len*] ra thám hiểm vịnh Hạ Long. Cuối tháng 10/1872, khi Dupré đang về Pháp nghỉ, XLTV Thống đốc là Thiếu tướng d'Arbaud (4/3-16/12/1872) lại cho lệnh Senez mang tàu *Bourayne* ra Hạ Long, săn đuổi hải tặc. Từ ngày 2 tới 15/11/1872, Senez cùng Linh mục Le Grand de la Liraye (tức cố Trường hay Dương), Giám đốc Bản Xứ vụ Nam Kỳ, còn dùng hai thuyền săn cá voi và một tàu buồm thám hiểm sông Hồng. Họ ghé thăm Kẻ Sở, Hải Dương và Bắc Ninh để hội ý với các giám mục Ki-tô về kế hoạch đưa quân ra Bắc. (2)

2. *DNTLCB*, IV, XLVII, 32:1870-1873, 1975:253.

Thời gian này, quan quân Nguyễn mới bị thất bại lớn ở Hải Dương. Ngày 6/6/1872, Bộ Binh báo cáo là

Tổng thống Trương Quốc Dụng bị thương nặng khi đánh phi, rồi từ trần. Đây là Tổng thống quân vụ thứ hai tử trận, sau Đoàn Văn Thọ, bị Hoa phi họ Tô [Tứ Nhất] giết tại đồn Kỳ Lừa, Lạng Sơn hơn một năm trước, vào tháng 10/11/1870. (3)

3. *CBTD*, 1/5 TĐ XXV [6/61872]: CB 378:8-9 [2003:182] ; *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32: 1870-1873, 1975:224-227 [ghi vào tháng 7 Nhâm Thân, 4/8-2/9/1872]. Về cái chết của Đoàn Thọ và bản án trách phạt Vũ Trọng Bình, Nguyễn Văn Tường, v.. v.. xem *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:61-62, 70-72. *ĐNLTCB*, Nhị tập, q 14 (1963), q 3:265-266 [263-266]

Tháng 8-9/1872, Hoàng Nhiệm lại phái lão tướng Nguyễn Tri Phương ra Bắc lần thứ hai. Năm này Phương đã 73 tuổi ta, được phong chức Khâm mạng tuyên sát đồng sức đại thần, trách nhiệm hai quân thứ Sơn Tây và Hải Dương. Mục đích chính là duy trì liên hệ tốt với Phùng Tử Tài, lúc ấy đang đặt tổng hành dinh tại Long Châu, Quảng Tây, và dự định triệt thoái 6 doanh quân Quảng Tây sang dẹp phi Hoa ở Lạng Sơn-Thái Nguyên. Việc đánh dẹp thổ phi đã kéo dài ba bốn năm, mệt quân, hao tổn tiền của không biết bao nhiêu mà kể, nhưng vẫn chưa yên. Thống soái Hoàng Tá Viêm—người được ban kiếm vàng vua dùng [gươm thượng phương] và 5 lá cờ lệnh khi được thăng từ Tổng đốc Nghệ An-Hà Tĩnh lên thay Đoàn Văn Thọ—thì “trong lòng hèn nhất,” “quá cẩn thận thành ra sợ sệt.” Lại hiềm khích với tham tán Ông Ích Khiêm và Tán tương Trương Quang Để khiến cả hai cáo ốm, không muốn dưới quyền sai phái của Viêm tại quân thứ Sơn Tây. (4)

4. *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32: 1870-1873, 1975:62, 224-225.

Khâm sai kinh lược Lê Tuấn, “chí thì lớn, nhưng mưu kế không có gì,” lại hiềm khích với Khâm phái thủy quân Hoàng Tuấn Tích. (5)

5. *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32:1870-1873, 1975:225-227, 232-233.

Tham tán Sơn Tây **Ông Ích Khiêm**, và tán tương **Trương Văn Đễ** bị chê là ít học, hay tức khí.(6).

6. *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32: 1870-1873, 1975:225. [8-9/1872: [1975:227].

:  
Chỉ có Bộ chính sứ Hải Dương, **Tôn Thất Thuyết**, và Phó quản cơ **Tạ Hiện** thỉnh thoảng được khen thưởng công thắng giặc biển từ Quảng Yên sang quấy phá Thanh Lâm, Hải Dương, hay thổ phỉ ở Tuyên Quang, Thái Nguyên. (7)

7. *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32: 1870-1873, 1975:228, 234.

Hường Nhiệm cho lệnh Nguyễn Tri Phương triệu tập từ Thống soái Hoàng Tá Viêm xuống đồng vận, thương biện, bang biện bày hương án tuyên đọc Dụ chê trách của vua.” (8)

8. *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32: 1870-1873, 1975:224-227 [ghi vào tháng 7 Nhâm Thân, 4/8-2/9/1872].

Trong khi đó, chiến lược vừa chiêu dụ, vừa đánh dẹp. ai đâu hàng được cấp gạo [1 phương], bạc [2 lượng] lộ phí về quê của Đề đốc Quảng Tây Phùng Tử Tài chẳng khác gì nuôi giặc. Mỗi khi Tài rút quân vào trong cửa ải, thổ phỉ Hoa lại nổi lên như ruồi muỗi mang vi khuẩn dịch hạch. Việc phục dịch quân Thanh cũng khiến các đại thần phụ trách việc liên lạc và tiếp tế cho quân Thanh nhiều lần bị Hường Nhiệm trách phạt vì chậm trễ hay làm mất lòng tướng Thanh. (9)

9. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 31: 1866-1869, 1974:357, 358, 362; XLIII, 32: 1870-1873, 1975:228; *CBTD*, 7/10 nhuận TĐ XXIII [29/11/1870]: CB 378:208-211 [2003:175] ;

Dân công bị trưng dụng lo việc vận tải bị quan quân Thanh ngược đãi, đánh đập, thậm chí giết chóc khiến quan địa phương phải viết thư than phiền với Tài. (10)

10. *CBTD*, 29/11 TĐ XXIII [2/12/1870]: CB 364:56-71 [2003:177] ; *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:

Cuối năm 1870, Hường Nhiệm chia miền bắc làm **ba quân thứ: Lạng Sơn**, (3,290 lính), do **Nguyễn Văn Tường, Đặng Tuân** trách nhiệm; **Thái Nguyên**, (1,780 lính), dưới sự cai quản của **Phạm Chi Hương**; và **Bắc Ninh**, (6,500 lính). Tổng số quân lính chỉ khoảng 11,570 người, kém xa số thổ phỉ. (11)

11. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:32-33, 70.

*ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:70

Khả năng chiến đấu kém khiến Hoàng Tá Viêm từng xin tăng viện quân Thanh Nghệ và 500 võ sinh, nhưng Hường Nhiệm không đồng ý—viện dẫn những võ công oanh liệt từ đời Lý, Trần trong cuộc bảo vệ quê hương chống lại giặc cướp phương bắc.

Tháng 8-9/1872, Phùng Tử Tài muốn rút 5 doanh về. Hường Nhiệm cho lệnh **Hoàng Tá Viêm** điều đình giữ lại. (12)

12. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:228. Bộ chính Cao Bằng **Nguyễn Phan** trong văn thư làm mếch lòng Phùng Tử Tài. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:228.

Tình trạng lương thực và dân siêu tán ngày càng trầm trọng. Nhiều hơn một lần Hường Nhiệm chỉ thị cho Hoàng Tá Viêm phải yêu cầu giảm bớt lính Thanh hoạt động trong lãnh thổ Bắc Kỳ vì gánh nặng tiếp vận và nổi khổ sở vì sai dịch. Ít nhất hai đại thần là Nguyễn Bá Nghi và Phạm Chi Hương chết vì bệnh tại trị sở. Tôn Thất Thuyết và Ông Ích Khiêm có khi phải mang theo thày thuốc đi hành quân. Những đoàn quân về hàng như Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng trên thực chất biến thành những sứ quân bảo vệ các quặng mỏ hay trạm thu thuế. Chúng tranh giành vùng ảnh hưởng, gây nên những cuộc thanh toán không ngừng. Theo đúng chiến lược “đi di trị di,” Hoàng Kế Viêm trọng dụng Lưu Vĩnh Phúc, giúp Phúc chiếm giữ Bảo Thắng, đối ngạn sông Hồng với Cam Đường, phía nam Lào Cai khoảng 10 cây số. Phúc còn liên minh với thổ tù Thái trắng ở châu Lai. Trong khi đó, với quân số khoảng 3,000 người, Hoàng Sùng Anh kiểm soát từ Phố Lu xuống Yên Bái, nhiều lần gây chiến với Lưu Vĩnh Phúc, vì khu vực Lào Cai-Bảo Thắng giàu có hơn. (13)

13. *CBTD*, 28/5 TĐ XXV [3/7/1872]: CB 287:4-9 [2003:182]) ; *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32: 1870-1873, 1975:

Chẳng hiểu do trùng hợp ngẫu nhiên hay có dự tính, ngày 9/11/1872, Dupuis đưa hai tàu và một thuyền buồm chở 6,000-7.000 súng cá nhân, 30 súng cộng đồng [pháo, canons], cùng đạn dược tới Cửa Cầm [Hải Phòng sứ tỉnh Hải Dương], họp với Hải Quân Trung Tá Esnez. Sau đó, Esnez viết thư cho Kinh lược Lê Tuấn, giới thiệu “lãnh sự” của Soái phủ Sài Gòn muốn được thám hiểm sông ngòi trong đồng bằng sông Hồng, rồi sẽ ngược lên Vân Nam.

Ngày 11/11/1872: Dupuis và Senez đến gặp Lê Tuấn, và Hộ đốc Hải Dương-Quảng Yên Lê Hữu Thường, xin cho đoàn tàu—thủy thủ đoàn gồm 23 người Âu, và 150 Á châu—lên Vân Nam. Lê Tuấn không thuận; bắt chờ lệnh Huế. Esnez “xấu hổ” bỏ đi, đưa tàu của mình lên Quảng Yên. Dupuis tuyên bố chỉ có thể chờ trong vòng 15 ngày. (14)

14. Taboulet, op. cit., II:685. Sử Nguyễn ghi vào tháng 12/1872 [11 Nhâm Thân, 1-29/12/1872]; *ĐNTLCB*, IV, XLVII, 32:1870-1873, 1975:253-255.

Ngày 24/11/1872, Dupuis cùng Kiêu Nhĩ Trí, một võ quan Thanh gốc Bri-tên, và tuần phủ Thanh Lý Ngọc Trì mang thuyền treo cờ đề đốc Mã lên Hà Nội, xin yết kiến Khâm sai Đồng sát Phương. Phương không đồng ý, nhưng được mật lệnh làm ngơ khi Dupuis tự ý rời Hà Nội lên Vân Nam ngày 16/1/1873.

Hai tháng sau, 16/3, Dupuis tới Vân Nam, đổi vũ khí lấy quặng mỏ. Ngày 29/3, Dupuis lại xuôi dòng Nhị Hà trở lại Bắc Việt với 8 thuyền hàng hoá và 150 lính Cờ Vàng bảo vệ.

Tiếp đó, Dupuis cùng hai Hoa thương ở Hà Nội Bành Lợi Ký và Quan Tá Đình xuất vốn mua muối và gạo, định ngược Vân Nam thêm một chuyến nữa.

Nguyễn Tri Phương cho lệnh dân yết thị cấm dân chúng bán gạo muối cho Dupuis; đồng thời lại nhờ Giám mục Puginier can thiệp. Dupuis cho người đi xé yết thị của Nguyễn Tri Phương, và dọa sẽ bắt các quan Việt xuống thuyền. Ngày 30/4/1873, Nguyễn Tri

Phương cho lệnh bắt Bành Lợi Ký và Quan Tá Đình. Dupuis trả đũa bằng cách bắt quan phòng thành Hà Nội và tri huyện Thọ Xương (Phan Huy Xán) xuống tàu giam lại. Dupuis còn bắn chết lý trưởng Kim Liên, hành hung đốc học Lê Đình Diên. (15)

15. *ĐNTLCB*, IV, XLVIII, XLIX, 32:1870-1873, 1975:305-306, 307, 321, 322-324.

Một trong những lý do khiến vua quan Nguyễn phải mò mẫm đi trong sương mù là Puginier và Gauthier đều bí mật tài trợ cho Dupuis (Puginier cho Dupuis vay 8,000 quan, kể cả 6,000 quan để nuôi thủy thủ; Gauthier đồng ý góp vốn, và chính Thống đốc Dupré bảo lãnh cho Dupuis vay *Hiệp hội Ngân hàng Hong Kong và Thượng Hải* (Shanghai-Hongkong Banking Corporation) 30,000 đồng, với tiền lời 12% một tháng. (16)

16. Báo cáo ngày 5/1/1876 của Bá tước Alexandre Le Jumau de Kergaradec, lãnh sự Pháp ở Hà Nội.; CAOM (Aix), Amiraux, 12990; Tsuboi, 1987, tr 77.

Sự lộng hành của Dupuis còn được sự yểm trợ của quan tướng Thanh như **Lý Ngọc Trì**, mang giấy thông hành của Mã Như Long; Thống lĩnh **Trần Đắc Quý**, trấn thủ Thanh ở Bắc Ninh, và ngay chính Phùng Tử Tài. Khi nhận được văn thư can thiệp của vua quan Nguyễn, Tài từng yêu cầu thỏa mãn đòi hỏi của Dupuis. (Theo *Châu Bản Triều Nguyễn*, ngày 24/3/1873 [26/2 Quý Dậu], Cơ Mật trình lên Hoàng Nhiệm dự thảo thư gửi Tuần phủ Quảng Tây và Khâm sai nhà Thanh, yêu cầu triệu hồi Thống lĩnh **Trần Đức Quý**, ở Thái Nguyên: Quý cho thủ hạ đi theo đoàn thương thuyền của Dupuis, chiếm thuyền của dân, từng đe dọa san bằng ba tổng huyện Kim Anh, Bắc Ninh. (*CBTD*, 26/2 TĐ XXVI [24/3/1873], CB 381:231-249) [2003:189]

Thấy tình hình căng thẳng, ngày 7/6/1873, Hoàng Nhiệm cho lệnh Khâm sai Phương cố gắng dàn xếp, “làm sao cho chúng sợ mà rút về,” và “tránh sinh sự.” Sau đó, Hoàng Nhiệm xuống mật dụ cho phép Dupuis lên Vân Nam một lần mà thôi. Tháng 9-10/1873, Hoàng Nhiệm còn sai Hữu Tham tri bộ Hình Phan Đình Bình ra Hà Nội, cho lệnh Nguyễn Tri Phương cùng Bình cố gắng dàn xếp. (16)



16. *CBTD*, 26/2 TĐ XXVI [24/3/1873], CB 381:231-249; 13/5 TĐ XXVI [7/6/1873], CB 287:140-141 [2003:189, 190]; *DNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975:321, 322-324, 325; *DNCBLT*, Nhị tập, q 12, (1993), 3:229-232 [Phần Ngoại thích, vì Bình là cha vợ Bửu Lân, Liệt truyện Nhị tập do nhóm Phụ chính đại thần, thượng thư bộ Học Cao Xuân Dục hoàn tất năm 1909, triều Vĩnh San, 5/9/1907-10/5/1916)

Ý định thiết lập nền bảo hộ toàn cõi Đại Nam thực ra do ý riêng của Thống đốc Dupré. Đồng minh của Dupré có Ernest Millot, một phụ tá của Dupuis, và Trung tá Esnez, hạm trưởng tàu *Bourayne*. Cả hai đều từng can thiệp với Paris, xin mở rộng việc thông thương ở miền Bắc, nhưng bị bác bỏ. Paris không muốn phiêu lưu mạo hiểm vào những cuộc hành quân tốn kém ở Viễn Đông. Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, chẳng hạn, phê bèn lờ báo cáo ngày 17/3/1873 của Dupré như sau:

Ông Đô đốc cứ nhất định phải tiến hành chiến tranh, và chúng ta khó lòng ngăn cản ông ta. Tuy nhiên, vẫn cần ngăn cản, và ngăn cản một cách cụ thể nhất.(17)

17. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 31, pp 155-157; Thọ 1995:167.

Kế hoạch của Dupré—được ngụy trang dưới hai đòi hỏi tự do giảng đạo và tự do giao thương—thực ra đã được Gauthier (thông ngôn Ngô Gia Hậu) chuyển cho Lê Bá Thận, Ngụy Khắc Đản và Phan Đình Bình từ tháng 2/1873. Nhưng triều đình Nguyễn chỉ muốn kéo dài thời gian, đề nghị gửi một phái đoàn qua chúc mừng chế độ mới ở Paris, rồi sẽ vào Sài Gòn thương thuyết. Trần Điền được lệnh mang lễ vật tới mừng tân Thống đốc Pháp để dò xét tình hình, trong khi cho lệnh các địa phương chuẩn bị tác chiến.(18)

18. *CBTD*, 20/1 TĐ XXVI [17//2/1873], 1-4, 22/1 TĐ XXVI [19/2/1873], 26/1 TĐ XXVI [23/2/1873], CB 383:39-43, 49-55, 84-86 [2003:186, 187].

Sau khi Phó Đô đốc **De Dampière d'Hornoy** thay Pothuau làm Bộ trưởng HQ&TĐ ngày 25/5/1873 [cho

tới 23/5/1874], Dupré lại xin đánh chiếm đồng bằng sông Hồng, hầu áp lực triều đình Huế ký hiệp ước mới. Nhưng vì Pháp mỗi năm phải bù đắp cho ngân sách Nam Kỳ khoảng 5 triệu quan [francs], và bành trướng lãnh thổ ra Bắc sẽ tạo nhiều trở ngại—từ sự ganh ghét và cạnh tranh của Bri-tên hay Prussia, tới tinh thần bài đạo Ki-tô của Bismark, từ những lực lượng thổ phỉ và hải tặc Hoa cùng quan quân Thanh một khi Pháp chiếm đóng Bắc Kỳ tới những chiến phí khổng lồ —nên d'Hornoy khuyên Dupré kiên nhẫn chuẩn bị và chờ đợi.(19)

19. Thư ngày 28/7/1873, Dupré gửi BT/HQ&TĐ; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 31, pp 119-137; Thư ngày 12/9/1873, D'Hornoy gửi Dupré; SHAT (Vincennes), 10H xxx [9]; Taboulet, II:699-701.

Trong khi đó, áp lực của Sài Gòn ngày càng tăng. Ngày 23/6, Dupré cho Huế biết muốn hợp thức hoá việc chiếm ba tỉnh miền Tây. Ngày 7/7, Dupré lại gửi thư cho Thương Bạc về việc này. Ngày 9/8, Dupré gọi Thiếu tá Garnier từ Thượng Hải về Sài Gòn để “tham khảo.”

Ngày 9/8/1873 này, triều đình Huế xin sai Lê Tuấn, Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Tăng Doãn vào Sài Gòn gặp Dupré để thương nghị việc xin trả lại ba tỉnh miền Tây, đồng thời dàn xếp việc Dupuis. **Thông ngôn** là hai **Linh mục Nguyễn Hữu Thơ (Cu)** và **Nguyễn Hoàng**. Hoàng từ Hong Kong về Sài Gòn, chờ sứ đoàn. (20) (Thời gian này còn xuất hiện một thông ngôn thứ ba là Nguyễn Văn Huyền)

20. H. Peysonnaux & Bùi Văn Cung, “Le Traité de 1874: Journal du secrétaire de l’ambassade annamite [Hòa ước 1874: Nhật trình của thông biện sứ đoàn An Nam];” *BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), pp 366 [365-384].

Theo thông ngôn **Thơ (Cu)**, sứ đoàn Lê Tuấn tới Sài Gòn lúc 21G00 ngày 31/8/1873 [9/7 Quý Dậu]. **Paul Philastre** [Hoắc Đạo Sinh] (1837-1902), Giám đốc Bản xứ vụ ở Nam Kỳ, xuống tàu thăm. Hai ngày sau, 2/9/1873 [11/7 Quý Dậu], **Jules Dupré (1813-1881)** tiếp kiến sứ đoàn Việt, với sự tham dự của Giám mục

Isidore-Francois Joseph Colbert (Mỹ, 1838-1894), và các linh mục Théodore-Louis Wibeaux (Việt, 1820-1877), Henri M. T. Alexandre de Kerlan, Francois-Constant Derval, cùng các lãnh sự Bri-tên, Prussia [Phổ], Espania, Belgium, Denmark, Dutch và Mỹ [?], cùng nhiều viên chức cao cấp khác. (21)

21. Peysonnaux & Bùi “Le Traité de 1874 ;” BAVH, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), p. 370 [Mỹ chưa hề đặt lãnh sự tại Sài Gòn. Mới chỉ có Lãnh sự Hong Kong, Singapore]

Sự hiện diện của sứ đoàn Lê Tuấn tại Sài Gòn cho Dupré cơ hội thuyết phục d'Hornoy thêm một lần nữa. Ngày 21/9/1873, d'Hornoy đòi ý, **cho Dupré tự do hành động**, miễn không bắt Paris phải gánh chịu thêm chiến phí, và **không được chiếm đóng bất cứ địa điểm nào trên đất Bắc**.(22)

22. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 31, pp 346-349;

Sự thay đổi thái độ của d'Hornoy này phần nào do lập trường cứng rắn của Lê Tuấn—tức đòi lại chủ quyền ba tỉnh miền tây; và không được ký hòa ước nếu chưa có lệnh từ Huế. Ngày 8/9/1873, Dupré khuyên Lê Tuấn không nên qua Pháp và nên thảo luận ngay tại Sài Gòn. Hôm sau, 9/9, Lê Tuấn lên án Lagrandière vi phạm Hiệp ước 1862, cưỡng chiếm ba tỉnh miền Tây. Xin trả lại tỉnh này, và yêu cầu Philastre đích thân can thiệp. Ngày 12/9, Lê Tuấn bị ốm nặng. Nguyễn Văn Tường tạm thay để thương thuyết với Philastre. Bốn ngày sau, 16/9, Lê Tuấn đưa ra nhiều đòi hỏi. Quan trọng nhất là ba điểm:

- (1) Pháp trả lại ba tỉnh miền Tây;
- (2) Bỏ điều ép buộc Huế phải xin phép Pháp trước khi cắt đất cho nước khác [*doãn hành, tắc hành*];
- (3) Đề nghị mua lại một phần lãnh thổ tại ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa. (23)

23. Peysonnaux & Bùi “Le Traité de 1874 ;” BAVH, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), pp 371, 372.

17/9/1873: Dupré báo cáo về Bộ HQ về phái đoàn Lê Tuấn; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 31, pp 284-291; Thọ, 185-186;

## B. FRANCIS GARNIER RA BẮC:

Ngày 10/10, theo lời yêu cầu của Phó sứ Nguyễn Văn Tường, Dupré sai Thiếu tá Garnier mang 86 người ra Bắc, với mật lệnh trục xuất Dupuis khỏi Bắc Kỳ; nhưng sẽ kéo dài thời gian ở Hà Nội, để bảo đảm việc lưu thông trên sông Hồng, từ Cửa Cẩm tới Vân Nam. (24)

24. Thư ngày 10/10/1873 của Garnier; CAOM (Aix), PA 17, 31 [Papiers Garnier], và 83 PAC.

Chuyến đi của Garnier (An Nghiệp hay Ngạc Nhi) không diễn tiến theo ý muốn. Ngày 10/10/1873: Garnier ghé thăm sứ đoàn Lê Tuấn trước khi ra Bắc. Ngày 11/10, Garnier ngừng ở Đà Nẵng, trao thư của Dupré gửi Hường Nhiệm. Theo thư này, nhiệm vụ của Garnier là (1) trục xuất Dupuis khỏi miền Bắc. Tuy nhiên, (2) Garnier sẽ ở lại miền Bắc để giải quyết cho xong việc lưu thông trên sông Hồng. Đồng thời (3) yêu cầu Hường Nhiệm mở Hà Nội cho việc buôn bán. (25)

25. Peysonnaux & Bùì “Le Traité de 1874 ;” *BAVH*, vol. 7, No. 3 (July-Sept 1920), p 375) Vấn đề chỉ thị cho Garnier còn gây sôi nổi ở Pháp nhiều năm sau, khi Léon Garnier lên tiếng biện minh cho anh mình trên tờ *Le Temps* ở Paris. Léon Garnier cho rằng chính Francis Garnier đã soạn thảo kế hoạch đánh Bắc Kỳ và viết ra chỉ thị về mục tiêu hành quân cho Dupré ký tên. Cựu Thư ký Chính phủ Nam Kỳ và Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ từ 1871 tới 1875 phủ nhận điều này, cho rằng Garnier đã "giàu tưởng tượng," vì chính ông ta đã soạn chỉ thị trên, theo lệnh Dupré và chính phủ Pháp. Trong thư gửi Chủ bút báo *Le Temps*, viên chức trên khẳng định sứ mệnh của Garnier chỉ nhằm làm trọng tài giải quyết vấn đề Dupuis và đóng quân tại miền Bắc càng lâu càng tốt để ép triều Huế ký hòa ước nhượng 6 tỉnh Nam Kỳ; đặc biệt, **Garnier không được lệnh chiếm Hà Nội**; SHAT (Vincennes), 10H xxx [9]).

Vì tàu *L'Arc* bị đắm dọc đường ngày 19/10, mãi tới ngày 10/11, sau khi có hai tàu *Espingole* (98 người) và *Scorpion* (15 người), tăng viện, Garnier mới nhổ neo rời Đà Nẵng. Hường Nhiệm cử Nguyễn Khoa Luân, Lang

trung bộ Binh, và Trần Văn Quýnh, bộ Hình, cùng thủy quân cai đội Nguyễn Văn Thi, theo Garnier ra Bắc để tránh những hiểu lầm. (26)

26. *DNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:328-329, 330-331.

Tới Hải Dương, Garnier vào nghỉ ở Kê Sắt, rồi cho người gọi Dupuis tới bàn định kế hoạch. Ngày 11/11/1873., Puginier từ Kê Sở tới Hà Nội, gặp Garnier, và đồng ý làm thông ngôn. Hôm sau, 12/11, Garnier ra tối hậu thư, đòi quân Nguyễn phải phá hủy hết các công sự phòng thủ và cho quân Pháp đồn trú trong thành trước ngày 18/11. Sau đó, rút về Hải Dương chờ viện binh.

Ít hôm sau nữa, Garnier dùng tàu riêng của Dupuis lên Hà Nội. Đích thân Garnier vào gặp Khâm sai Phương, và chịu nhượng bộ đóng quân tại Trường Thi. Theo tài liệu Nguyễn, Khâm sai Nguyễn Tri Phương cùng Bộ Chính Vũ Đường và Lãnh binh Nguyễn Đức Nghiễm ra khỏi thành đi gặp Garnier; nhưng vẫn sai xuất đội Nguyễn Đắc Viên tổ chức việc phòng thủ. Vì vậy, Garnier đòi Nguyễn Tri Phương phải san bằng việc phòng thủ các cửa thành trước 6 giờ chiều ngày 19/1. Garnier còn ra tuyên cáo là quân Pháp tới Bắc để dẹp yên giặc giã và mở rộng việc thông thương trên sông Nhị Hà. (27)

27. *DNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975: 329,

### **C. Garnier Hạ Thành Hà Nội:**

Ngày 19/11, sau khi hạm đội Pháp đã tới đầy đủ, Garnier ra tối hậu thư thứ hai, bắt phải phá hủy các công sự phòng thủ trước 6 giờ chiều. Khâm sai Phương—một lão tướng đã cầm quân chống Pháp từ năm 1858—đã nhiên từ chối. Sáng hôm sau, **20/11/1873** [1/10 Quý Dậu], Garnier cho lệnh hải pháo và pháo binh bắn phá liên tục các vị trí phòng thủ của quân Nguyễn. Rồi cùng 180 bộ binh xung phong đánh thành Hà Nội. Dupuis mang lực lượng của mình tăng viện. Chưa đầy một giờ, thành Hà Nội bị hạ.

Tại cửa Đông Nam, con Nguyễn Tri Phương là Phò Mã Nguyễn Lâm tử trận. Bị thương ở đùi phải, Nguyễn Tri Phương cương quyết không chịu chữa trị, và nhịn ăn

cho tới chết. Tổng đốc Bùi Thúc Kiên và Án sát Tôn Thất Bá (Trắc?) chạy thoát ra khỏi cửa Bắc thành. Kiên sau bị cai tổng Đức bắt nộp cho Pháp lấy tiền thưởng. Bốn quan Việt khác, Khâm phái Phan Đình Bình, Bộ chính Vũ Đường, Đề đốc Đặng Siêu, và Lãnh binh Nguyễn Đăng Nghiễm cùng hai con Phan Thanh Giản, Tông và Tôn, bị bắt giải về Sài Gòn. (28)

28. Báo cáo ngày 21/11/1873, Garnier gửi Dupré; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H-xxx [1, d.4]. *CBTD*, 6/10 TĐ XXVI [25/11/1873], CB 287:34-35 [2003:193]; Theo *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975: 336-337, Nguyễn Tri Phương bị Pháp giam giữ ở thành cũ.

[La thành, Hà Nội ngày nay, do Kinh lược sứ **Trương Bá Nghi** nhà Đường đắp năm 767, sau khi đẩy lui cuộc đánh cướp của hải tặc Côn Luân và Chà Bà. Năm 791, **Triệu Xương** đắp thêm. Năm 803, **Bùi Thái** sửa lại thành, bị bộ tướng Vương Quý Nguyên đuổi chạy tới Chu Diên (huyện Yên Lãng). Năm 808, **Trương Chu** sửa đắp lại. Tháng 12/866-1/867, Tiết độ sứ Tĩnh Hải quân (Jing-hai jun) **Cao Biền** [Gao Bian] đắp lại bằng đá gạch. Thành chu vi 1982 trượng, 5 thước [662.5 mét]; thân thành cao 2 trượng, 6 thước [8.67 mét]; chân thành rộng 2 trượng, 5 thước [8.67 mét]; tường cao 5 thước, 5 tấc [1.83 mét]. Có 55 trạm gác, 6 cửa tò vò, 3 mương nước, 34 lối leo lên thành. Lại đắp một đê đất vòng quanh thành, dài 2112 trượng 8 thước [7041.96 m], cao 1 trượng 5 thước [3.52 m], rộng 2 trượng [6.66 m]. Xây dựng hơn 400,000 căn nhà. Đồi Tây Sơn, theo nền cũ đắp thành quanh từ cửa Đông Hoa [câu Đông Thị] đến cửa Đại Hưng [dinh Quảng Minh]. Năm 1805, Nguyễn Phước Chung cho lệnh xây sửa lại, trong thành xây Kỳ Đài và hành cung, với hai điện chính, tả vu và hữu vu. Năm 1835, Nguyễn Phước Đảm cho lệnh giảm bớt 1 thước 5 tấc. (19) 19. *ĐNNTC*, q XIII: Hà Nội, (1997), 3:174-175 [159-236]; Lê Tấn, *Annan Zhilue*, bản dịch Trần Kính Hòa (Huế: Đại học Huế, 1961), *An Nam Chí Lược* [ANCL], q. IX, 1961:164, 165; *ĐVSKTB*, The (1997), tr 120, 123, 131; *CMTB*, IV:24-25, 27, 28b-29a; V:12; (Sài Gòn: 1970), 3:227-233, 242-43, 246-49; (Hà Nội : 1998), I:189, 192, 215-16.

Hạ xong thành Hà Nội, theo sự khuyến khích của Puginier và sự tiếp sức của một lực lượng đánh thuê 3,000 người, Garnier đánh chiếm toàn bộ bốn tỉnh châu thổ sông Hồng, với lý do bảo vệ tuyến tiếp vận từ duyên hải tới Hà Nội, đồng thời bảo vệ an ninh cho giáo dân.

Ngày 26/11, Trung úy Balny d'Avricourt chiếm Phủ Lý, trong khi Trung úy Esnez chiếm Phủ Thường, rồi Phủ Bình và Hoài Yên. Hai ngày sau, 28/11, Pháp chiếm Hưng Yên không tốn một viên đạn. Bắc Ninh, Thái Nguyên cũng xin hàng. Ngày 4/12, Thiếu úy de Trentinian, dưới sự yểm trợ của tàu *Espingole* của Trung úy Balny d'Avricourt, hạ thành Hải Dương. Một giáo dân họ Trương, gốc thợ rèn, được Garnier cử làm Tổng đốc Hải Dương. (29)

29. *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:356.

Hôm sau nữa, 5/12, Chuẩn úy (Aspirant) Hautefeuille chiếm Ninh Bình không tốn một viên đạn—viên sĩ quan này chĩa súng vào màng tang vị quan thủ thành, gần giọng đe dọa là nếu không đầu hàng, y sẽ "bắn vỡ sọ." Người góp công đầu với quân Pháp là Thày Sáu Trần Văn Triêm. Không những ngồi trên boong tàu chiếm thành tỉnh, Triêm còn tuyên mộ 150 đồng đạo tới bảo vệ an ninh cho Pháp—một hình ảnh gợi nhớ lại những việc làm của anh em Mạc Thúy, Mạc Viễn năm 1406-1407, cùng đạo quân đánh thuê Nam Sách trên 10,000 người khi dẫn đường đạo quân viễn xâm lược Trương Phụ-Mộc Thanh hủy diệt Đại Ngu, rồi sát nhập vào đế quốc Minh, chia đặt quận huyện dưới tên mới Giao Chỉ Đô thống sứ ti, để phục hưng thánh giáo Hán hóa phong tục, cải hóa man di.

Qua ngày 11/12, Garnier chiếm Nam Định, rồi giao cho Y sĩ Thiếu tá Jules Harmand chỉ huy tỉnh thành đông dân nhất và giàu nhất miền Bắc.

Hầu hết quan Việt đều bỏ trốn, hoặc thu quân về cố thủ tại vùng nông thôn. Các giáo sĩ giúp Garnier tuyên mộ được khoảng 14,000 lính bản xứ, mà đa số là giáo dân Ki-tô, để bảo vệ an ninh. Garnier cũng chọn lựa một số giáo dân để tạm thời trông coi việc cai trị. Đạo "thập tự quân" bản xứ này thường do các giáo sĩ cầm đầu, và

lợi dụng tình thế để đánh phá, bạo hành các thôn xã người Lương hay đốt phá chùa chiền. (30)

30. SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [2]; Tsuboi, 1987, tr. 78. Tài liệu nhà Nguyễn ghi nhận khoảng 12,000 người; *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975: 359.

Tại Nam Định, hàng ngày họ lũ lượt kéo tới hãm chỉ huy của Harmand, xin xỏ đủ thứ, từ khí giới, đạn dược, tới chức vụ chỉ huy quân đội hay phủ, huyện. Ngày 16/1/1874, Harmand viết cho Trung tá Testard du Cosquer, hạm trưởng tàu *Décres*:

Mỗi ngày tôi phải lập lại tới cả chục lần rằng: "Bộ các ông tưởng rằng chúng tôi tới đây để mở một cuộc chiến tranh tôn giáo? Chúng tôi tới đây thuần vì mục đích thương mại: việc các ông là giáo dân Ki-tô, người Lương (paiens), [hay] người Hoa không quan trọng." (31)

31. Thư ngày 16/1/1874, Harmand gửi Testard de Cosquer; CAOM (Aix), Carton 1, d.A00(10). Xem thêm Cao Huy Thuần 1990:173-175.

Hành động của Garnier cũng tạo nên nhiều phản ứng phần nộ từ Huế. Ngày 25/11/1873, Hoàng Nhiệm ban hành một loạt mật dụ::

1. Cử quân ra Hà Nội đánh Pháp.
2. Báo động toàn quốc
3. Tăng cường phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu.
4. Ngăn chặn không cho thuyền bè Pháp ra vào.
5. Các tỉnh chuẩn bị binh lương, kêu gọi dân chúng đóng góp.
6. Cử Trần Đình Túc làm Hải Dương khâm phái, Nguyễn Trọng Hợp làm Hộ lý; Nguyễn Phiên và Bùi Ân Niên làm Hà Nội Khâm phái.
7. Phái 500 quân Nghệ An và 500 quân kinh đô ra tăng viện. (32)

32 *CBTD*, 6/10 TĐ XXVI [25/11/1873], CB 287:37, 41-42 [2003:193-194]; *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:337. *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:337-338.

Mật dụ ngày 23/10/1873 [12/8 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 64-65 [2003:192], dụ ngày 25/11/1873 [6/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ



34-35 [2003:193], dụ ngày 25/11/1873 [6/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 36 [2003:193], dụ ngày 25/11/1873 [6/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 37 [2003:193], dụ ngày 25/11/1873 [6/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 41-42 [2003:194, cử 500 quân kinh, và 500 quân Nghệ An ra bắc], dụ ngày 17/12/1873 [28/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 82 [2003:195, Philastre và Nguyễn Văn Tường tâu việc Garnier trả lại thành; Hường Nhiệm cử Bộ chính Nam Định Nguyễn Phiên làm Tuần phủ Ninh Bình, Đặng Văn Huân làm Bộ chính, Bùi Văn Dị làm Án sát Ninh Bình; Trương Gia Hội làm Bộ Chính Hà Nội; Nguyễn Uyên làm Án sát; Trần Đình Túc, và Nguyễn Trọng Hợp lo thương thuyết], dụ ngày 18/12/1873 [29/10 Quý Dậu/TĐ XXVI], CB 287:tờ 82 [2003:195-196,, Philastre và Phó sứ Nguyễn Văn Tường sẽ ra bắc thu hồi Hà Nội và 4 thành, rồi vào Sài Gòn ký hiệp ước mới]

Nhưng Paris không chấp thuận việc đã rồi, cho lệnh Dupré phải trả lại Hà Nội và bốn tỉnh thành cho Hường Nhiệm. Ngày 17/12, khi trở lại Hà Nội, Garnier tuyên bố sẽ trở lại tình trạng cũ. Ba ngày sau, 20/12/1873, sau một tháng tuyệt thực, và từ chối điều trị, Nguyễn Tri Phương tử trận. Sau này, đình thần nghị tội, **xin truất bỏ chức hàm, trăm giam hậu..** Tháng 1-2/1874, Hường Nhiệm cho 1,000 quan làm tang lễ Nguyễn Tri Phương; con là Nguyễn Lâm, được 300 quan; Tháng 6-7/1874, Hường Nhiệm cho Nguyễn Tri Phương được hàm Tả tham tri bộ Binh, và giữ nguyên tước Bá, “vì tiết nghĩa giống Đoàn Thọ.” Tháng 4-5/1875, cho thờ vào đền Trung Nghĩa. Hai tháng sau nữa, cho làm đền thờ tại sinh quán, xã Đường Long, phủ Thừa Thiên, cùng em là Nguyễn Duy (chết năm 1861), và con là Nguyễn Lâm. (33)

33. *DNCBLT*, II, q 24 (1993), 3:461-462; *DNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:349-350, 367-368; LIII, 33:1874-1876, 1975:64-67, 183, 212.

Cái chết bi tráng của Nguyễn Tri Phương chấn động ba quân miền Bắc. Nguyên từ ngày Hà Nội thất thủ, Hường Nhiệm cực kỳ tức giận, cho lệnh Tiết chế Hoàng Kế Viêm, Tham tán Tôn Thất Thuyết, cùng Võ Huy

Thụy, Trương Quang Đản và Nguyễn Uy điều quân vây quanh Hà Nội. Vua còn sai Nguyễn Trọng Hiệp, phủ doãn Thừa Thiên, là người miền Bắc, cùng Nguyễn Phiền và Bùi Ân Niên ra Bắc chiêu tập quân dân. Sau đó, lại cử Nguyễn Uy làm Tổng đốc Hà-Ninh, Trần Đình Túc làm Tuần phủ Hà Nội, Nguyễn Trọng Hợp, Bố chính Nam Định. Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hợp, Trương Gia Hội còn có nhiệm vụ thương thuyết, với sự giúp sức của cùng hai giáo sĩ Sohier (Bình) và Dangelzer (Đặng) ở Hà Nội. Trung tuần tháng 12/1873, vòng vây quân Nguyễn xiết chặt quanh Hà Nội. Lực lượng xung kích của nhà Nguyễn là quân Cờ Đen của Lưu Vĩnh Phúc. (34)

34. *ĐNTLCB*, IV, 32: 1870-1873, 1974:341; *CBTD*, 6/10 TĐ XXVI [23/10/1873], 3, CB 287:34-35, 41-42 [2003:193, 194]).

Một ngày sau cái chết của Nguyễn Tri Phương (1800-1873), ngày Chủ Nhật, 21/12, Lưu Vĩnh Phúc mang quân tới khiêu chiến. Đang thương thuyết việc trả lại thành với Trần Đình Túc, Garnier bỏ dở buổi họp, mang quân truy kích về phía Tây. Tới Ô Cầu Giầy [cửa Tây Hà Nội], cánh quân Garnier bị phục kích. Garnier tử trận cùng hai sĩ quan và hai binh sĩ. Thủ cấp cả năm người bị cắt, mang đi, nhiều ngày sau mới tìm thấy.(35)

35. Sử Nguyễn ghi là một quan ba [?], một quan hai, một quan một, và hai không lon. *ĐNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975:349-350, 367-368; Sogny, “Un page d’histoire: Hoàng Kế Viêm [1820-1909],” *BAVH*, XXX, No. 4 (Oct-Nov 1943), pp 330 [329-348]. Tước vị “quan ba” này có lẽ dịch từ chữ “Capitaine,” tức “hạ trưởng.” Chức vị thật của Garnier là Hải quân Thiếu tá.

Mặc dù hết sức vui mừng vì chiến thắng trên của Hoàng Kế Viêm và Lưu Vĩnh Phúc—như phong Phúc làm Phó Lãnh Binh, rồi Lãnh Binh, cho tuyển mộ thêm hơn 1,000 lính—Hùng Nghiệp nhận hiểu chiến thắng Ô Cầu Giầy chỉ do may mắn. Để giải quyết mối lo Bắc Kỳ, Hùng Nghiệp quyết định phong Lê Tuấn làm Khâm sai toàn quyền thảo luận Hiệp ước mới, với Nguyễn Văn Tường làm Phó sứ, cùng tham dự việc thương thuyết. Tuấn và Tường cũng được lệnh bỏ đi

hỏi hoàn trả ba tỉnh miền tây mà Dupré mong muốn. Bởi vậy, Dupré tha Phan Đình Bình và Bồ chính Vũ Đường, cho tháp tùng Tường cùng Paul Philastre ra Huế.

Ngày 2/12/1873 [3/11 *Quý Dậu*], Hoàng Nhiệm xuống Dụ bỏ mật lệnh Hoàng Kế Viêm và Tôn Thất Thuyết truyền hịch đánh Pháp; vì Philastre đã gửi cho Huế một bản sao lệnh bắt Garnier trả lại thành Hà Nội và bốn thành tỉnh đồng bằng Bắc Kỳ. (36)

36. *CBTD*, 3/11 TĐ XXVI [2/12/1873], CB 287:101-102 [2003:196])

## II. SỨ ĐOÀN PHILASTRE:

Ngày 30/11/1873, tại Sài Gòn, Dupré cho Lê Tuấn biết việc Hà Nội thất thủ, và tàu *Decrès* cùng 6 tù binh đã tới Sài Gòn ngày hôm trước (29/11). Ngày 3/12/1873, theo yêu cầu của Nguyễn Văn Tường, Dupré đồng ý phóng thích bốn quan Nguyễn bị bắt ở Bắc Kỳ. Ngày 7/12/1874, Dupré cũng sai Paul Philastre (Hoắc Đạo Sinh), Chính thanh tra bản xứ vụ Nam Kỳ, ra Huế để thăm dò ý kiến triều Nguyễn. Phó sứ Tường, và thông ngôn Thơ, được phép tháp tùng Philastre. Nhóm Phan Đình Bình cũng theo tàu về phục mệnh. Khi tới Cửa Hàn, Bình xuống tàu, đi đường bộ về Huế, tàu việc Dupré đã đồng ý trả thành Hà Nội, và yêu cầu cho người ra nhận lại thành.

Tại Đà Nẵng, Philastre được tin Garnier chiếm Ninh Bình và Hải Dương. Tới Huế, Philastre biết thêm tin Garnier đã chiếm Nam Định, và được triều thần yêu cầu theo Khâm sai Tường ra Bắc dàn xếp mọi việc. Vì không tán thành việc làm của Garnier, Philastre quyết định ra Bắc. (37)

37. Thư ngày 18/12/1873, Philastre gửi Dupré; CAOM (Aix), Amiraux, 11689; Xem thêm *DNTLCB*, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:343-344; *CBTD*, 3/11 TĐ XXVI [2/12/1873], CB 287:101-102 [2003:196]; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 32, pp 36-39; Thơ, 189-190;

Ngày 20/12/1873—đúng ngày Nguyễn Tri Phương từ trần—Philastre và Tường xuống tàu *d'Estrées* ở Đà Nẵng ra Bắc dàn xếp mọi việc. Viện Cơ Mật muốn cử thêm Phan Đình Bình, nhưng Tường gạt đi, vì quan

tướng Pháp không hài lòng về Bình. Khi Philastre và Tường vừa tới cửa Cẩm (Ninh Hải) ngày 24/12, thì được tin Garnier đã bị quân Cờ Đen phục kích chết tại Ô Cầu Giầy ba ngày trước. Philastre định bỏ về Nam, nhưng Tường thuyết phục được Philastre ở lại.

Ngày 28/12, Philastre tới Hải Dương. Hôm sau, 29/12, Philastre và Tường ký một qui ước (convention) trao trả Hải Dương, hiệu lực từ sáng ngày 31/12. Cũng ngày 31/12/1873 này, hai người rời Hải Dương lên Hà Nội. Philastre cho lệnh Thiếu úy de Trentinian triệt thoái khỏi thành này trước ngày 31/12. Nguyễn Văn Tường chính thức nhận lại thành. Cử Nguyễn Duy Tự, quyền sung Hộ đốc; Tạ Hiện, quyền Lãnh binh. Một thợ rèn họ Trương do Garnier đặt làm Tổng đốc mưu ám sát Tường để phá kế hoạch giảng hòa, nên bị bắt giải xuống tàu. Tường cho lệnh Bắc Ninh và Hưng Yên gửi quân đến để bảo vệ Hải Dương. Tai nạn này khiến giới giáo sĩ Pháp cực kỳ bất mãn. Họ cáo buộc Tường là thủ phạm gây nên cái chết của hàng ngàn giáo dân, và là kẻ thù bất đội trời chung của Pháp. Trong bất cứ thư tư từ gửi về Paris, hay cung cấp tin tình báo cho các quan tướng chỉ huy Pháp, Puginier chứng tỏ sự thù hận sâu xa Tường—khởi đầu là việc giết hại giáo dân Ki-tô trong hai năm 1873-1874. Tôn Thất Thuyết cũng chịu chung số phận. Nên chẳng có gì ngạc nhiên trước lời truyền tụng “Việt Nam có bốn anh hùng; Tường gian, .. Thuyết ngu.” Trong khi tập đoàn thông ngôn, phụ lực cho lực lượng xâm lược Pháp thì được ca ngợi như những thiên tài văn hóa, thông thạo tới 26 thứ tiếng, hay những huyền thoại như “Đầy vua [Bửu Lân] không Khả, đào mỏ [Hùng Nhiệm] không Bôi [Bà].”

Ngày 2/1/1874: Philastre và Tường tới Hà Nội. Philastre gặp phái bộ Huế đã gửi ra từ trước do Trần Đình Túc, Nguyễn Trọng Hiệp [Hợp], Trương Gia Hội cầm đầu, có Sohier (Bình) và Dangelzer (Đặng) làm thông ngôn. Đồng thời mật đàm với Puginier, Sohier, Colomer (Giám mục Bắc Ninh) và rất đông hàng giáo phẩm. Puginier cực lực phản đối việc hoà hoãn với nhà Nguyễn, vì theo Giám mục Đường Ngoài Tây, nếu Pháp triệt thoái, những toán lính Ki-tô từng theo giúp Garnier hay những người được Puginier giới thiệu vào các chức vụ hành chính sẽ bị sát hại.

Hôm sau, 3/1, Philastre và Tường bàn việc giao trả Nam Định và Ninh Bình trước. Trần Đình Túc tạm nắm Định-An tổng đốc; Nguyễn Trọng Hợp, Ninh Bình tỉnh vụ. [Vi Trương Gia Hội đi Bắc Ninh chưa về kịp].

Những ngày sau thảo luận về việc giải tán 12,000 quân lính mộ (vừa lương, vừa giáo) của Garnier Giám mục Puginier khuyến cáo Philastre rằng những người theo Pháp có thể bị trả thù sau khi quân Pháp rút lui. Nhưng Philastre bỏ ngoài tai những lời dọa dẫm của Puginier, và ngày 5/1/1874, ký tạm ước hạn định rút quân Pháp khỏi Ninh Bình, Nam Định—Ninh Bình ngày 8/1, và Nam Định ngày 10/1/1874. (38)

38. Công điện ngày 5/1/1874, Philastre gửi Dupré; CAOM (Aix), Amiraux, 11689. Từ ngày 25/12/1873, sau khi được biết tin về kế hoạch di tản miền Bắc, Puginier đã viết thư phản kháng lên Philastre; Taboulet, 1955-1956:731-3; Romanet de Caillaud 1874: 19 coll; Xem thêm 10H xxx [2]; *DNTLCB*, IV, XLIX, 32: 1870-1873, 1975:355-64, 367-368; Tsuboi 1987:78.

Trong tinh thần tạm ước này, ngày 19/1, Hoàng Nhiệm ban Dụ khoan hồng cho tất cả những người từng theo Pháp. Tuy nhiên vua cũng mật dụ Nguyễn Văn Tường đòi Philastre, sau khi rút khỏi miền Bắc, bãi bỏ các chức tước Garnier phong cho các giáo dân.

Ngày **1/9/1874**, Trần Đình Túc tâu bày về những người từng hợp tác với Pháp, đề nghị dung những người sau:

**Phạm Quang Diệu:** (giáo dân, Pháp cho làm tham biện tỉnh vụ);

**Nguyễn Quý Cát:** (Pháp cho làm Lãnh binh); Nguyễn Văn Tường tạm thời sử dụng để ngừa lòng phản trắc; thủ hạ có tới 800 người.

**Lê Văn Tôn:** Tú tài, Pháp cho làm án sát;

**Nguyễn Tích:** Tú tài, Pháp cho làm bố chính;

**Đỗ Đình Huyền:** Pháp cho làm Lãnh binh. Nguyễn Văn Tường dùng ở Lý Nhân, Chương Đức chưa có công trạng rõ rệt.

Phạm Quang Diệu: (tham biện tỉnh vụ) làm cai đội, lãnh phó quản cơ.

Lê Văn Tôn: (án sát) suất đội, lãnh cai đội.

Nguyễn Quý Cát: (Lãnh binh) đội trưởng, thị sai chánh đội trưởng, suất đội.

Nguyễn Tích: (bổ chính) đội trưởng, thị sai chánh đội trưởng, suất đội.

Đỗ Đình Huyền: (Lãnh binh). đội trưởng, thị sai chánh đội trưởng, suất đội.

Viện Cơ Mật xin cho lương thất phẩm làm việc, nhưng vua không đồng ý. Viện tâu lại vài ba lần. Cuối cùng vua đồng ý cho cả bọn đến làm việc với Nguyễn Uy, chờ bổ dụng.

Sau, Huyền mắc bệnh, xin về an nghiệp. Diệu bị can một án khác, trốn vào tòa lãnh sự Hà Nội của Kê La Đích. Những người khác mang thủ hạ tới Bắc Ninh. (39)

39. *ĐNTLCB*, IV, LI, 33: 1874-1876, 1975:83-85.

Ngày 20/1, Pháp di tản khỏi Hà Nội 102 lính TQLC mới tăng cường. Tuy nhiên, một đơn vị Pháp vẫn đóng trong lãnh thổ Hải Dương (Hải-phòng sứ). Riêng đoàn thuyền của Dupuis sẽ do Trú sứ Pháp trông coi. (40)

40. *ĐNTLCB*, IV, LI, 33:1874-1876, 1975:83-85; *CBTD*, 3/12 TĐ XXVI [1/2/1874], 11-12, CB 385:47-52 [2003:198].

### **III. PHẢN ỨNG VỀ CHUYỂN ĐI CỦA PHILASTRE:**

#### **A. LƯƠNG-GIÁO TƯƠNG TÀN:**

Ngay sau khi quân Pháp triệt thoái, một phong trào bạo động chống Ki-tô nổi lên tại nhiều nơi, đặc biệt là Nam Định và Hà Nội. Ngày 21/1/1874, Nguyễn Văn Tường báo cáo về triều là Bổ chính Nam Định cho tay sai đốt phá các làng đạo, nên Pháp đòi trong ba [3] ngày phải giao nộp ngay, nếu không sẽ đánh Nam Định. Hôm sau, Tường báo cáo văn thân và sĩ dân nổi lên đốt phá làng đạo ở phủ Lý Nhân, Hà Nội nên phải nhờ Pháp can thiệp vì trong tay không có quân đội. Tình hình căng thẳng đến độ ngày 4/2, Hoàng Nhiệm phải xuống Dụ chấm dứt tình trạng hiềm khích Giáo-Lương. (41)

41. *CBTD*, 4/12 TĐ XXVI [2/2/1874], 11-12, CB 385:53-55 [2003:198]; 5/12 TĐ XXVI, 11-12, CB 385:56-60 [2003:198]; 18/12 TĐ XXVI

[16/2/1874], 3, CB 287:122 [2003:200] [Dụ của  
Hùng Nghiệp].

Tại miền Bắc, Puginier và Gauthier liên tiếp phản kháng về thái độ "hai mang" (duplicité) của vua quan Nguyễn, cùng sự ngược đãi giáo dân. Trong qui ước 29/12/1873 (điều 2, đoạn 3), triều Nguyễn đã long trọng cam kết khoan hồng cho tất cả những ai từng hợp tác với quân Pháp, và sẽ bảo vệ họ; nhưng Hùng Nghiệp chỉ đồng ý tha tội hợp tác với Pháp, không đồng ý bỏ dụng họ. Puginier cùng hàng giáo phẩm dưới quyền tung ra những tin đồn xúc phạm đến Philastre và Nguyễn Văn Tường, kích động sự nghi ngờ và chia rẽ giữa Philastre với quan chức Việt. Dupuis cũng nhập cuộc, kết án Philastre đã phản bội công lao của Garnier, cùng tung tin về những âm mưu làm loạn của quân lính Nguyễn, gây hoang mang tinh thần binh sĩ Pháp và giáo dân. Trong thư ngày 18/1/1874, Puginier gọi việc bổ nhiệm một lãnh tụ văn thân "tả đạo" (Phạm Văn Nghị) vào chức Thương biện Nam Định như "một hài kịch độc ác mà các quan [Nguyễn] trình diễn trước mắt người Pháp," vì nhân vật này từng sát hại giáo sĩ và giáo dân. Puginier còn dẫn chứng thêm việc phóng thích hai lãnh tụ Văn thân bị kết tội tử hình trong cuộc nổi dậy năm 1868 như một bằng chứng hiển nhiên của sự đồng lõa của các quan Nguyễn. Ngày 28/1/1874, Gauthier nêu lên sự lo sợ về một kế hoạch giết hại giáo dân sắp tới, cũng như sự quay mặt làm ngơ của quan lại nhà Nguyễn. Puginier còn sai cả một giáo sĩ vào Sài Gòn vận động với Dupré. (41)

41. Thuần 1990:198-9, chú 63, 65, 199, chú 64;  
Công điện ngày 15/1/1874, Philastre gửi Dupré;  
CAOM (Aix), Amiraux, 11689.

Trong khi đó, cái chết của “người hùng” Garnier gây sôi nổi dư luận. Ngày 7/1/1874, Chasseloup- Laubat gửi công điện quả trách Dupré nặng nề, cho lệnh phải tìm mọi cách ký hiệp ước với triều đình Huế, và phải rút quân khỏi Bắc Kỳ. (42)

42. Công điện ngày 7/1/1874, Bộ trưởng Hải quân gửi Dupré; CAOM (Aix), INF, Carton 12, A 30 (19); AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 32, p 70.

Trong những công điện gửi từ Huế hay từ miền Bắc về soái phủ Sài Gòn, Philastre cũng đưa ra những lời cố vấn tương tự. Phần Dupré trút mọi trách nhiệm cho Garnier, và nỗ lực giải quyết mọi việc một cách ôn hoà, hy vọng có được một hoà ước mang theo về Pháp vì đã có lệnh hồi hương. Một tháng sau, ngày 6/2, Philastre và Tường ký thêm tạm ước theo đó Pháp sẽ rút quân khỏi Hà Nội. Đổi lại, Hường Nhiệm đồng ý cắt cho Pháp cả 6 tỉnh miền Nam, và dành cho Pháp quyền tự do lưu thông trên sông Hồng.

Ngày 9/2/1874, Philastre trực xuất Dupuis khỏi Hà Nội. Một tuần sau, 16/2, toàn bộ quân Pháp cũng rút khỏi Hà Nội. Dupré sai Bá tước Pierre Rheinart des Essarts ra Bắc để Philastre và Tường vào Sài Gòn ký hiệp ước chính thức.

Từ Hà Nội, Philastre và Nguyễn Văn Tường ghé qua Huế để báo cáo tình hình. Hường Nhiệm ban cho Philastre một bức Dụ viết trên lụa để khen thưởng công lao giúp thu hồi bốn tỉnh miền Bắc. Sau đó, Tường theo Philastre vào Sài Gòn, tham gia cuộc thương thuyết giữa Lê Tuấn và Dupré.

#### **IV. HÒA ƯỚC GIÁP TUẤT (15/3/1874):**

Ngày **Chủ Nhật, 15/3/1874**, Dupré và Lê Tuấn, Thượng thư Bộ Hình, Chính sứ; Nguyễn Văn Tường, Phó sứ, ký Hoà ước "Philastre" hay "Giáp Tuất" [27/1 Giáp Tuất], gồm hai mươi hai [22] điều khoản, tái xác nhận những điều kiện trong Tạm ước 6/2/1874. tức **nhường cho Pháp Nam Kỳ, và tự do giao thông trên sông Hồng.**

Trong số những điều quan trọng nhất có:

- **Điều thứ 1:** Từ nay về sau, nước Đại Nam cùng với nước Đại Pháp đời đời kết giao hòa hiếu, tình bạn thực thà. ["Il y aura paix, amitié et alliance perpétuelles entre la France et le Royaume d'Annam."] ĐNTLCB, IV, L, 33:1874-1876, 1975:14 [12-22]).

- **Điều thứ 2:** Pháp nhìn nhận "Đại Nam là một nước tự chủ, không phải theo phục nước nào." [Trung Hoa thường tự nhận chủ quyền thượng quốc. **Đích thân Philastre đã gạch bỏ tên TH trong dự thảo**]



- **Điều thứ 5: cắt 6 tỉnh miền Nam cho Pháp.** Tuy nhiên, không được đụng chạm đến 11 ngôi mộ của họ Phạm ở Gia Định (*Thân mẫu* Tự Đức: **Phạm Thị Hằng** (Từ Dụ, 10/6/1810 [9/5 Gia Long IX]-22/5/1901 [5/4 Tân Sửu, Thành Thái XIII); cháu ngoại của Phạm Đăng Hưng, quê ở Gò Công, Gia Định, sinh hai công chúa và Hoàng Nhiễm, niên hiệu Tự Đức; và 3 ngôi mộ nhà họ Hồ ở Biên Hoà (mẹ Miên Tông, **Hồ Thị Hoa** (1791-28/6/1807), gốc Bình An, trấn Biên Hòa, chết sớm, sau khi sinh được 12 ngày (23/5 Đinh Mão, tức 28/6/1807). Sau được truy phong Tá Thiên Nhân hoàng hậu. Hoa là con Hồ Văn Bôi, tức trực đội trưởng của Gia Long. Hai lần theo Chủng qua Xiêm. Sau lên tới chức Khâm sai thuộc nội chưởng cơ. (*ĐNCBLT*, q. I, (1993), 2:86; q. 2 & 3 (1993), 3:25-64), *ĐNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:14 [12-22]).

- **Điều thứ 9: tự do giảng đạo.** (AMAE (Paris), *Documents politiques* tức *Livre jaune [DD]* I, 1883:1-10; 10H xxx [41]; *ĐNTLCB*, IV, q L, 33: 1874-1876, 1975:15-17 [12-22]).

Hoàng Nhiễm phải nhìn nhận rằng "đạo Thiên chúa nguyên để khuyên người làm điều lành," và từ nay hủy bỏ tất cả các lệnh cấm đạo. Những người có đạo Ki-tô sẽ được đối xử ngang hàng với người Lương trên mọi lãnh vực, kể cả thi ra làm quan. Các giáo sĩ được đặc biệt trọng đãi; phạm tội có quyền dùng tiền chuộc.

- Ân xá tất cả những người Việt đã theo Pháp, hay ngược lại (**điều 8**). *ĐNTLCB*, IV, q L, 33: 1874-1876, 1975:15.

- Tự do thông thương trên sông Hồng, và mở hai cửa biển Thị Nại ở Bình Định, cùng Ninh Hải ở Hải Dương và thành phố Hà Nội cho việc thông thương (**điều 11**). *ĐNTLCB*, IV, q L, 33: 1874-1876, 1975:17.

- Pháp được quyền đặt lãnh sự ở các cửa biển đã khai thương, mỗi sở được quyền trú đóng không quá 100 binh sĩ (**điều 13**). *ĐNTLCB*, IV, q L, 33: 1874-1876, 1975:18.

Ngoài ra, Pháp hứa tặng cho Đại Nam 5 tàu chiến, 100 đại bác, 1,000 súng điều thương (sang), 500,000 viên đạn (**điều 4**), xóa món nợ chiến phí 1 triệu Mỹ kim (**điều 6**). Về món nợ 1 triệu Mỹ kim với Espania sẽ trả dần dần qua chính phủ Pháp (**điều 7**). (43)

43. *ĐNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:14-15 [12-22]; AMAE (Paris), *DD* I, 1883:1-10; *ĐNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:13-22; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [1 &41];

Hiệp ước vừa ký xong, Chính sứ Lê Tuấn chết vào lúc 3 giờ sáng ngày 17/3; có tin đồn ông tự vẫn. Nguyễn Văn Tường được phong làm Kỳ vĩ bá, vì có công "lấy lại" được thành Hà Nội. Nhóm Giám mục Bình, Linh mục Đấng, và Linh mục Nguyễn Văn Thơ (Cư), đều được trọng thưởng. Riêng với Lê Tuấn, Hường Nhiệm cho con nuôi trưởng là Ứng Ái, tức Ứng Chơn, làm lễ phúng tế vì có liên hệ thầy trò. (44)

44. *ĐNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:35.

Ngày 4/8/1874, Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp ước 15/3/1874. Lễ trao đổi văn kiện hiệp ước diễn ra ngày 26/8/1875, và ngày mở các hải cảng cho việc giao thương định vào ngày 15/9/1875. (45)

45. *DD*, I:29-34; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H [xxx] [41].

Nhưng hầu hết giới văn thân đều bất mãn. Trong hai tháng 3-4/1874, phong trào chống Ki-tô giáo lại bùng nổ khắp nơi. Mạnh mẽ và khốc liệt nhất là vùng Nghệ An. Được sự dung túng của Tổng đốc Tôn Thất Triệt, nhóm Trần Tấn và Đặng Như Mai—từng tham dự phong trào chống Ki-tô năm 1867-1868, nhưng được ân xá—hoành hành mạnh. Nêu ra khẩu hiệu "**Bình Tây, Sát Tả.**" Trong vòng 10 ngày, họ đốt phá 300 làng, giết chết 2,000 giáo dân, khiến 70,000 người không nhà cửa. (46)

46. *DD* I, 1883:225; *ĐNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1974:28-29; Jules Gros, *Origine de la conquête du Tonkin* (Paris: Picard, 1887), p 171; dẫn trong Phong, 1971:275. Xem thêm phụ bản "Văn thân hịch" ngày 19/3/1874 trong CAOM (Aix), Amiraux, 11649; in lại trong Tsuboi 1987:315-317.

Con số này có lẽ bị Puginier và Gauthier phóng đại quá mức. Theo Rheinart (1882), khoảng hơn 2,000 giáo dân Gia-tô bị giết. *Đại Nam Thực Lục* ghi "hơn nghìn

người chết, nhiều nhà cửa bị đốt.” Tổng đốc Tôn Thất Triệt có vẻ dung túng.

Hường Nhiệm phải xuống lệnh Lương-Giáo không được hận thù nhau—nhưng chẳng khác gì tiếng vạc kêu sương. (47) Cả giáo dân lẫn người không Ki-tô đều mất sự kính trọng vương quyền.

47. *DNTLCB*, IV, XLIV, 32:1870-1873, 1975:360.

Vua đàn miến cưỡng cho quan binh đàn áp các phong trào Văn Thân, và tận tình bảo vệ giáo dân.

Ngày 4/3/1874, Vua cho lệnh Tổng thống Hồ Oai [Uy] và Tham tán Chu Đình Kế mang 600 lính Thanh Hóa và 500 lính Nghệ An đánh dẹp phong trào văn thân, hẹn một tháng phải xong. Ngoài ra còn cử Sử quán toàn tu Đặng Văn Kiều, gốc Hà Tĩnh, đi thuyết phục. Bạo lực mau chóng lan qua Hà Tĩnh. Nhóm Trần Quang Hoán, Trương Quang Thủ và Nguyễn Huy Điển đánh chiếm được tỉnh thành, vây phủ Diễn Châu. (48)

48. *DNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:10-11, 29 [28-30].

Tháng 3-4/1874 [2 Giáp Tuất, 18/3-16/4/1874], do lời tâu của Nguyễn Văn Tường, Hướng Nhiệm phái Tiết chế Hoàng Tá Viêm và **Tôn Thất Thuyết** mang quân dẹp loạn Văn Thân ở Nghệ An. Tháng 5/1874, vua phái thêm Nguyễn Văn Tường làm Khâm sai, Lê Bá Thiện làm Tổng thống ra Nghệ An giải quyết. Tuy nhiên, ngày 14/6, Tổng đốc Tôn Thất Tịnh vẫn còn tìm đủ biện pháp để ngừa bọn "phi" Trần Tấn và Đặng Như Mai tràn ra Thanh Hoá, vì họ đã chiếm thêm các phủ huyện Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Hương Khê, Hương Sơn. Hạ tuần tháng 7/1874, phong trào chống đạo Ki-tô lan tràn ra tới Hải Dương và Nam Định. (49)

49. *CBTD*, 15/6 TĐ XXVII [28/7/1874]:5:15-6 [2003:205]; *DNTLCB*, IV, L, 33: 1874-1876, 1975:27.

Ngày 24/7, Tổng đốc Phạm Ý báo cáo văn thân đã liên kết với hải tặc đánh phá các làng đạo Ki-tô ven biển, nhưng Pháp không chịu giúp chiến thuyền dẹp loạn văn thân, và xin cho Nguyễn Văn Tường can thiệp với Thống soái Sài Gòn.(50)

50. *ĐNTLCB*, IV, L, 33:1874-1876, 1975:26-7; *CBTD*, 1/5 TĐ XXVII [14/6/1874], 11/6 TĐ XXVII [24/7/1874], 15/6 TĐ XXVII [28/7/1874], 5-7, CB 391: 197-203, 232-259 [2003:205].

Ngày 22/3/1874, Rheinart báo cáo tình hình Nghệ An. Văn thân nổi dậy hàng loạt. Không có tin tức gì của Gauthier. Rheinart viết thư, Tổng đốc Nghệ An không trả lời. Puginier đề nghị cho một tàu chiến tới Nghệ An cứu các giáo sĩ. Nhưng hiện chỉ có tàu *Scorpion* ở Cát Bà. Thanh Hóa bị Cờ Vàng tàn phá. Cờ Vàng và Cờ Đen tiếp tục đánh nhau ở sông Lô (Claire). Khoảng 8-9,000 lính Tàu đang đánh quân Cờ Đen. Hoàng Kế Viêm đang ở Sơn Tây. Kinh lược Nguyễn Chính đang ở Phu Đình với khoảng 5-7,000 lính, kể cả 1,500 lính Kinh. (Sogny, 1943:17-19)

Ngày 1/3/1874, Rheinart ghi nhận chưa nhận được lời than phiền nào về việc trả thù những người phục vụ Pháp. Puginier tiếp tục sống dưới thuyền, và không có liên lạc nào với Tòa trú sứ. Tới Chủ Nhật, 8/3, Kinh lược Nguyễn Chính vẫn chưa tới Hà Nội. Rheinart nghi rằng ông ta muốn tránh mặt. Rheinart cũng không tiện liên lạc với Puginier vì sợ quan Việt nghi ngờ. Ý Rheinart muốn đứng ngoài cuộc tranh chấp. (51)

51. Sogny, op. cit., 1943:11, 13-5.

Puginier và các giáo sĩ miền Bắc liên tiếp khiếu nại với triều đình và soái phủ Sài Gòn. Theo Puginier, từ ngày 1/3/1874 đã có vài trường hợp nhà thờ bị đốt và giáo dân bị tấn công ở Hà Nội. Các Giám mục cũng không ngừng than phiền, yêu cầu Soái phủ Sài Gòn can thiệp đòi bồi thường. Khi tài sản tịch thu được của “giặc văn thân” không đủ trang trải, các giáo sĩ đòi lấy công điền, công thổ bù vào. Thái độ hung hang của họ khiến Hường Nhiệm phải xuống Dụ cấm các giáo sĩ đại diện tín đồ đi kiện cáo,

Mặt khác, các giáo sĩ tiếp tay các giáo dân Ki-tô làm loạn. Giáo dân—dĩ nhiên—tích cực hơn trong nỗ lực khiến giai tầng “râu dê” (nhô sĩ) và ngay cả Hường Nhiệm phải biến dạng. Đáng kể nhất là Hồ Văn Vạn, nổi lên ở Hải Dương và Nam Định vào tháng 8/1874. Vạn cùng Lê Duy Quý và các giáo dân Ki-tô từng theo Garnier, phối hợp với khách ô, cướp phá, gây nhiều thiệt

hại cho các làng xóm không theo đạo Ki-tô và ngay cả quan binh ngoài khơi Hải Dương. Mãi tới năm 1875, Hồ Văn Vạn mới bị một người Hoa là Hoàng Tài Thắng bắt ở Quảng Yên, giao cho nhà Nguyễn. (52)

52. Báo cáo ngày 19/8/1874, của Hộ đốc Nam Định / Hưng Yên Nguyễn Trọng Hợp; *CBTD*, 8/7 TĐ XXVII [19/8/1874], 5-7, CB 392:185-188 [2003:206]. *ĐNTLCB*, IV, LII:(từ 31a-41b), 33:1874-1876, 1975:149.

Ngày Thứ Năm, 2/4/1874 [16/2 Giáp Tuất], Bộ Hình báo cáo Hồ Văn Vạn bị bắt ở Hải Dương. (*CBTD*, 16/2 TĐ XXVII [2/4/1874], CB 398:38-47 [2003:200]) Tuy nhiên, tin này có lẽ không chính xác. Theo báo cáo của Nguyễn Uy ngày 21/7/1874, Hồ Văn Vạn còn phối hợp với thổ phỉ Trần đốt phá huyện Lục Ngạn, thuộc quân thú Bắc Ninh; trong khi các đảng thổ phỉ Hoa Hoàng Văn Á, Tăng Xuyên Long cướp phá vùng Lạng Sơn, Quảng Yên, và Lý Dương Tài từ Sơn Tây tiến sang Bắc Ninh, bắt tay với Châu Đình Huy; *Ibid.*, 8/6 TĐ XXVII [21/7/1874], CB 391:178-184 [2003:203-204]

Bị áp lực, Hoàng Nhiệm phải cử Nguyễn Văn Tường làm Khâm phái ra Nghệ An. và nhờ chiến thuyền Pháp đến Hà Tĩnh-Nghệ An đánh dẹp loạn văn thân. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Tăng Doãn vào Sài Gòn, gặp Đề Đốc Krantz, nhưng Krantz dù quan tâm đến tình hình văn thân ở Nghệ An, nhưng không muốn can thiệp, chỉ mong muốn Huế sớm tự giải quyết; Pháp sẽ gửi tàu ra Bắc đối phó Giặc Cờ Đỏ. Dupuis đang ở Sài Gòn, Krantz nuối Huế cho Dupuis tiếp tục đi Vân Nam. (53)

53. *CBTD*, 29/2 TĐ XXVII [15/4/1874], CB 388:167-172, 187-190 [2003:200-201]

Tháng 8/1874, quân triều phá tan loạn Văn thân ở phủ Tương Dương, Nghệ An.. Nhóm Tấn, Hoán và dư đảng ẩn núp ở vùng Cam [Kinh] Môn. Ngày 1/9/1874, quân triều thu phục phủ lý Quỳ Châu, Nghệ An. Ngày 13/9. nhóm Đặng Như Mai, Nguyễn Vĩnh Khanh, Nguyễn Cung ra đầu thú. (54)

54. *CBTD*, 12/7 TĐ XXVII [23/8/1874], CB 393, từ 7-18; 21/7 TĐ XXVII [1/9/1874], 5/8 TĐ

XXVII [13/9/1874], CB 394, tờ 105-116 , 164-172  
[2003:207, 208]

Nhưng Vương quốc đang vỡ thành từng mảng. Tại các địa phương, Tổng đốc, tuần phủ, lãnh binh, đề đốc tự tung tự tác. Tham ô, hối mại quyền thế lan tràn từ tỉnh thành tới địa phương. Những lời kêu gọi cần, kiệm, liêm, chính của Hoàng Nhiệm lạc lõng đến thăm hại. Và không thiếu người—như Nguyễn Hữu Độ, Phan Đình Bình—bắt đầu thuận gió chuyển buồm.

Trong nỗ lực duy trì quyền lực ngày một thu teo, Hoàng Nhiệm đẩy mạnh hơn việc bắt chức nhà Thanh đưa hoàng thân, công tử và tôn thất vào các chức vụ chủ chốt quân sự cũng như hành chính. Vua cũng phong tước quận vương cho những người cầm đầu Tôn nhưn phủ. Lại đặt ra lễ pháp giao thông ở kinh thành—theo thứ bậc vương, công, đại thần, già, trẻ. Hay cải cách phong tục, văn hóa, y phục của dân miền Bắc. Nhưng hầu hết những phép tắc mới của Hoàng Nhiệm chỉ có hình thức. Ngay trong nội bộ Hoàng tộc cũng bị phân hóa theo đường ranh chủ hoà/chủ chiến, cùng những âm mưu tranh giành ngôi vị độc tôn—với những bản án đầy nghi hoặc như việc thẩm sát toàn gia Ứng Phước (Đình Đạo) 8 người, nhân vụ Giặc Chày Vôi (16/9/1866), khiến có quan chức nghĩ rằng vụ án này khiến sinh thiên tai và điềm gở.

Dư âm của cuộc tương tàn kéo dài tới năm 1895-1896, nếu không phải xa hơn, tới các thập niên 1950-1960. (55)

55. *CBTD*, 21/7 TĐ XXVII [1/9/1874], 7-12, CB 394:105-116 [2003:207]; *ĐNTLCB*, IV, LI, 33: 1874-1876, 1975:107.

Trong khi đó, tại Sài Gòn, ngày 16/3/1874, Phó Đô đốc **Charles Duperré** [Đô bi ê hay Du-bi-le] được chỉ định thay Dupré làm Thống đốc. Đề đốc **Jules Krantz**, Tư lệnh Hải quân Pháp ở Trung Hoa và Nhật, kiêm nhiệm chức Thống đốc Nam Kỳ từ ngày 16/3/1874, trong khi chờ đợi Duperré nhiệm chức

Về phía Pháp, những người quá khích vẫn nặng lời đã kích Philastre là đã bội phản công lao Garnier ở miền Bắc. Nhưng Dupré, và ngay cả Đề đốc Krantz (Kha

Răng),—cũng có vẻ tạm thời hài lòng với những gì đã đạt được.

Năm tháng sau, Krantz cùng Nguyễn Văn Tường ký thêm phụ ước thương mại, qui định ngày tháng mở các hải cảng và thiết lập các phái đoàn trú sứ. Phụ ước này gồm 29 điều khoản. Điều khoản thứ nhất cho phép tự do buôn bán và mở các hải cảng Thị Nại (Bình Định), Ninh Hải, Hải Dương, Hà Nội và sông Nhị Hà; hiệu lực chậm nhất từ ngày 15/3/1875. (56)

56. *DD I:10-23; SHAT (Vincennes), Indochine, 10H xxx [1]; ĐNTLCB, IV, LI, 33:1874-1876, 1975:87-104.*

Ngày 23/11/1874, hai phe ký thêm qui ước phụ bổ (convention annexe) hoà ước 31/8/1874. Tường nên ghi nhận thêm, Krantz không hoàn toàn đồng ý với Dupré, và trong báo cáo mật ngày 11/8/1874, đã chỉ trích hiệp ước 15/3/1874 "chứa đầy những nguy hiểm." Ngày 21/9/1874, Dupré viết thư biện minh cho lập trường mình; (57)

57. *SHAT (Vincennes), 10H xxx [9].*

## **V. GIAI ĐOẠN "HỮU CHIẾN" 1874-1879:**

Ký xong hiệp ước 1874, Pháp đã đạt được mục đích sơ khởi: đó là chiếm đóng 6 tỉnh miền Nam, và bắt triều Huế phải cho tự do truyền đạo cùng thông thương. Bởi vậy, trong những năm cuối thập niên 1870, chính phủ cộng hòa Pháp cũng như những Đô đốc/Thống đốc ở Sài Gòn—from Krantz (1874-1875), tới Charles Duperré (1875-1877), và rồi Louis Lafont (1877-1879)—tạm thời hài lòng với vùng lãnh thổ chiếm đóng, chỉ lo ổn định tình thế ở miền Nam, thực thi những cải cách rộng lớn về hành chính, đất đai, thuế khóa, giáo dục, luật pháp v..v... Hoàng Nhiệm và triều thần nhà Nguyễn được tạm sống yên ổn ở Huế.

Tại Nam Kỳ, cuộc xử tử Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân tại Mỹ Tho ngày 15/4/1875, cùng Âu Dương Lân và hơn 100 nghĩa quân, đánh dấu đoạn kết của những cuộc kháng chiến chống Pháp dưới danh nghĩa nhà Nguyễn.(58)

58. *ĐNTLCB, IV, LIII, 33: 1874-1876, 1975:203.*

Vì đã nhượng đứt cho Pháp, Nam Kỳ trải qua những thay đổi quan trọng. Ngày 5/1/1876, Pháp ban sắc lệnh tổ chức lãnh thổ. Sáu tỉnh miền Nam chia làm 4 Khu (**circonscription**): Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, và Bassac (Hậu Giang). Mỗi Khu chia thành nhiều Tiểu khu (**Arrondissement administratif**).

1. Sài Gòn có 5 Tiểu khu: Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa và Vũng Tàu (?).

2. Mỹ Tho có 4 Tiểu khu: Mỹ Tho, Gò Công, Tân An, và Chợ Lớn.

3. Vĩnh Long có 4 Tiểu khu: Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sa Đéc.

4. Bassac (Hậu Giang) có 6 Tiểu khu: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Cần Thơ và Sóc Trăng (Ngày 18/12/1882, Le Myre de Vilers đặt thêm Tiểu khu Bạc Liêu, gồm 2 Tổng của Sóc Trăng và 3 Tổng của Rạch Giá).

Ngày 8/1/1877, Tổng thống Pháp ký nghị định thiết lập Thành phố Sài Gòn (cấp I). Đứng đầu là một Đốc lý (**maire**), và 2 phó Đốc lý (**Maire-adjoint**). Phụ tá cho Đốc lý có một Hội đồng thành phố (**Conseil Municipal**). Hơn hai năm sau, ngày 20/10/1879, Le Myre de Vilers ký nghị định thành lập Thành phố Chợ Lớn (cấp II), do một Đốc lý cầm đầu, với một Ủy ban thành phố (**Commission Municipale**).

Ngày 8/2/1880, Tổng thống Pháp ban hành nghị định thành lập Hội đồng Thuộc địa Nam kỳ (**Conseil Colonial**), thường được biết như Hội đồng quản hạt, với nhiệm vụ tư vấn cho Thống đốc. Các thành viên gồm cả Pháp lẫn Việt. Pháp bầu riêng, theo lối trực tiếp. Việt bầu gián tiếp: Chỉ những kỳ hào (**notables**) mới có quyền bầu.

Quan trọng hơn cả là những nỗ lực cải biến "Cochin-chine" thành một thuộc địa kinh tế. Và, dĩ nhiên, sứ mệnh "khai hóa" [**mission civilisatrice**] dân Việt với nền văn minh Ki-tô vật bản. Tiếng Pháp và rồi chữ quốc ngữ hiện nay [dựa theo chữ cái Latin, do các nhà truyền giáo Portuguese và Espania sáng chế; và Rhodes góp phần cải thiện] được dùng làm ngôn ngữ giảng dạy, thay thế dần chữ Hán (với cách xướng âm Việt), và chữ Nôm.



Tại miền Bắc và miền Trung, Pháp tạm thời giữ đúng những điều cam kết trong Hòa ước 1874. Vấn đề ưu tiên hàng đầu là việc thiết lập các tòa trú sứ Pháp ở Huế và Bắc Việt, và lãnh sự Đại Nam tại Sài Gòn. Triều Huế đặc biệt quan tâm vấn đề này từ cuối năm 1874. Huế dự định gửi Nguyễn Thành Ý làm lãnh sự ở miền Nam. Thông minh, tháo vát, Ý có khả năng thiết lập liên lạc với những tổ chức kháng Pháp bí mật ở miền Nam, đặc biệt là tổ chức Thiên Địa Hội và Nghĩa Hoà Đoàn, dư đảng của Hồng Tú Toàn bên Trung Hoa. Ý cũng có dịp qua Pháp dự đấu xảo, nhưng như một viên chức Pháp sau này nhận định, Ý lúc nào cũng coi Pháp là đại thù. Nhưng Duperré muốn trì hoãn cho tới lúc các lãnh sự Pháp có mặt ở Huế và Hà Nội mới chịu chấp nhận việc bổ nhiệm Ý. Duperré cũng muốn giới hạn phạm vi hoạt động của các sứ thần Việt thuần trong phạm vi thương mại để tránh những hậu quả chính trị.(59)

59. Báo cáo ngày 18/12/1874; *DD I*, 1883:42-43.

Phần các trú sứ Pháp, ngày 15/1/1875, Bộ trưởng Hải quân & Thuộc địa, Đô đốc de Montaignac, gửi điện văn cho Duperré, qui định thành phần các phái đoàn Trú sứ như sau:

- Huế: 1 Trú sứ, 2 thư ký, 2 thông ngôn, 6 lính gác gốc Âu, 10 lính tập Việt.

Tại Huế, Trú sứ có hạng Đại biện (Ministre), với lương 40,000 francs. Hai thư ký người Âu, một là phụ tá khi cần, một chỉ có nhiệm vụ sao chép văn thư. Hai "nho" thì một Việt, một người Hoa, lương 5,400 quan.

- Hải Phòng & Hà Nội: mỗi nơi 1 lãnh sự hay viên chức (agent), 1 thư ký người Âu, 2 "nho" và 100 binh sĩ.

- Thị Nại: 1 nhân viên (agent), 1 thư ký, 2 nho, 100 binh sĩ một năm sau ngày hiệp ước được phê chuẩn.(60)

60. *DD I*, 1883:25-29). Ngày 5/1/1876, Pháp đặt thêm một trú sứ (résident) ở Qui Nhơn.

Ngày 18/3/1875, Duperré thông báo sẽ phái Bá tước Pierre Rheinart des Essarts (1840-1920) ra Huế làm Trú sứ. Tuy nhiên, Rheinart chưa đến nhiệm sở ngay. Ngày 13/4, Thiếu tá Brossard de Corbigny đại diện Pháp tham dự lễ chấp nhận hòa ước 15/3/1874 tổ chức tại Huế. Về các lãnh sự tại miền Bắc, ngày 25/6, Duperré báo với de

Montaignac là đã nhận được chỉ thị bổ nhiệm Alexandre le Jumeau tức Bá tước de Kergaradec [Kê-la-đích] (1837-1902), và Louis Turc. Nhưng Duperré muốn đợi tới lúc các hải cảng miền Bắc thực sự mở cho việc buôn bán mới gửi họ ra nhiệm sở. Cuối cùng, ngày 28/7, đại diện Pháp ở Huế là cựu Trung Tá Hải quân Rheinart và 2 đại diện khác ở Hà Nội, Alexandre le Jumeau, và Hải Phòng sứ (Ninh Hải) là Y sĩ Louis Turc, đã nhận nhiệm sở. Rheinart là một nhân vật kỳ cựu, từng tham dự các cuộc đánh dẹp lực lượng kháng Pháp ở miền Nam, rồi thay Philastre ở Hà Nội sau ngày trao trả miền Bắc cho triều Nguyễn. Rheinart chủ trương phải thiết lập nền đô hộ ở Đại Nam, và nghiêng về quan điểm phải thay Hường Nghiệm—quan điếm chung của giới truyền giáo lúc đó.(61)

61. *DD I*, 1883:46; *CAOM* (Aix), Amiraux, 12774; Tsuboi, 1987, tr. 108-13.

Chức Đại biện (*Chargé d'Affaires*) này, triều đình Huế thoát tiên muốn do Philastre đảm nhiệm; nhưng Giám mục Puginier và Hội truyền giáo cực lực chống đối. Puginier từng lên án Philastre là tên "Pháp gian" (traître), vì, theo Puginier, "Thật khó kiếm được một người có thể hạ nhục một quốc gia hơn ông Philastre đã hạ nhục nước Pháp trước dân An-na-mít." Ngày 11/4/1874, Philastre "được" về Pháp nghỉ; (62)

62. Thư Puginier ngày 7/12/1874, *CAOM* (Paris), AN, Carton 13, A 30 (25); *Courrier de Saigon*, 20/4/1874; Caillaud 1874:24.

Các đại thần Việt tại Nha Thương bạc, tức Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Tăng Doãn, cũng đều nghĩ rằng Rheinart hoài nghi sự thành thực của triều đình Huế. (63)

63. *CBTD*, 29/2 TĐ XXVII [15/4/1874], 1-4, CB 388:167-172 [2003:200-201].

Vừa ra tới Huế, ngày 30/7, Rheinart đã than phiền với Thương bạc (do Nguyễn Văn Tường trông coi) về việc các viên chức Pháp bị hành hung. Một tháng sau, ngày 31/8, Rheinart chắt vắn triều Nguyễn về việc giáo dân Nghệ An xin bồi thường và trách Thương Bạc bênh vực những người đã tấn công các làng đạo. Rheinart

cũng nhiều lần phản đối việc triều Nguyễn sử dụng những từ bất lịch sự, thiếu văn minh. Alexandre le Jumeau, Lãnh sự Pháp ở Hà Nội cho tới năm 1883, cũng chủ trương dùng võ lực. Sự hiện diện của những nhà ngoại giao/sĩ quan Hải quân trên, thực ra, chẳng giúp ích gì cho triều Nguyễn. Cả Rheinart và le Jumeau chủ trương phải thiết lập nền đô hộ ở Đại Nam và thay Hoàng Nhiệm bằng một ông vua khác. Bởi thế, họ lặng lẽ theo dõi nội tình hai xứ Bắc và Trung, tìm cách thiết lập nền đô hộ trên toàn cõi Đại Nam. Nhân vật khiến Hoàng Nhiệm bị nhức đầu nhất là Rheinart. Kiêu căng, hống hách, Rheinart nghiêng về phía các giáo sĩ.

Lãnh sự Pháp ở Hong Kong cũng chia sẻ quan niệm của Rheinart trong báo cáo ngày 10/7/1876:

Trung Hoa, với sự rộng lớn và giàu có là một sự quyến rũ khó cưỡng chống (une tentation irrésistible) với người Âu châu. Tài vật của Vân Nam, trong thời gian rắc rối ở Bắc, phải tải bằng đường bộ, đầy nguy hiểm và tốn kém tới Pakhoi, một hải cảng hầu như không có trên bản đồ thuộc tỉnh Quảng Đông. Tài nguyên của Bắc Kỳ khiến Pháp phải nghiên cứu việc chiếm tỉnh này, trên căn bản Hiệp ước 14/3/1874 và Phụ ước thương mại 31/8/1874.(64)

64. CAOM (Aix), GGI, d. A 00(12).

Tuy nhiên, tại Paris, tân Bộ trưởng HQ&TB là Đô đốc **Martin Fourichon** (5/3/1875- 23/5/1877) chủ trương ôn hòa. Nhân dịp Duperré về nước tường trình tình hình Đông Dương, ngày 1/6/1876 Fourichon chỉ thị rõ ràng về chính sách mới của Pháp: Không can thiệp vào Bắc Kỳ, và ngăn cản các giáo sĩ xúi dân làm loạn hay khôi phục nhà Lê. (65)

65. AMAE (Paris), *DD I*, 1883:55-57.

Có lẽ Fourichon muốn nhắc đến nhóm Petrus Ký, Pène-Siefert, Constantin và chủ trương tách Bắc Kỳ khỏi sự thống trị và bóc lột của “An Nam,” và độc lập với Trung Hoa. Năm 1876, Duperré đã cử Petrus Key đi thăm Bắc Kỳ, tiếp xúc với các quan viên như Phạm Phú Thứ, Louis Turc, Trần Văn Triêm, v.. v... để tường trình về tình hình Bắc Kỳ. Không hiểu chuyến đi này liên hệ gì đến lời phản kháng mạnh mẽ của Giám mục Puginier

và giới giáo sĩ về việc mà họ gọi là sự phản bội của Philastre hay dự án ép triều Nguyễn tu chính Hòa ước 1874 của Duperré hay chẳng?

Ngày 28/4/1876, Petrus Ký báo cáo về chuyến đi Bắc Kỳ lên Đề đốc Duperré (12/1874-10/1877), qua trung gian Regnault de Premesnil [Chánh văn phòng của Duperré].” Năm 1881, Petrus Key còn viết lại bằng tiếng Việt, cho in dưới tựa *Voyage au Tonking en 1876 - Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi*. Tuy nhiên, phần báo cáo chính trị bị cắt bỏ, mãi sau ngày Petrus Key chết mới được công bố.

Trong chuyến đi năm 1876, Petrus Key được tiếp xúc rất nhiều người. Thoạt tiên là Lãnh sự Hải Phòng, tức Hải quân Y sĩ Louis Turc, một cựu Đốc lý Sài Gòn. Rồi đến Tổng đốc Hải Yên Phạm Phú Thứ, người từng biết Petrus Key khi qua Pháp năm 1863-1864. Linh mục Trần Lục—Chánh xứ Phát Diệm, cánh tay bản xứ của Giám mục Puginier, người tuyển mộ cho Francis Garnier từ 12,000 tới 14,000 lính đánh thuê trong cuộc xâm chiếm Bắc Kỳ năm 1873, mà đa số là giáo dân Ki-tô—cũng dẫn Petrus Key tới tận Thanh Hóa, Ninh Bình, Kẻ Sở. Thông điệp, hay lời khuyên của Petrus Key với các giới chức Việt là hãy hợp tác chân thành với người Pháp, đưa cả hai tay mà nắm lấy họ. Nguyên văn như sau:

Thưa quý ngài, tôi trả lời . . . . **quí Ngài chỉ cần có lòng tin tưởng ở các đồng minh đáng kính của chúng ta [tức người Pháp] và nương tựa hết sức vào họ để mà tự đứng dậy, nhưng cần thẳng thắn, không một hậu ý, không có những mưu mẹo bí mật, đưa cả hai tay cho họ mà không chỉ đưa ra một tay, tay kia giấu lại.**

(Nguyên văn: “Messieurs, ai-je repliqué, . . . . *vous n’avez qu’à avoir confiance en vos illustres alliés [les Français] et à vous appuyer sincèrement sur eux pour vous relever, mais franchement, sans arrière-pensée, sans secret combinaison, leur donner les deux mains et non pas en livrer une et réserver l’autre.*” (66)

66. Báo cáo ngày 28/4/1876, P. Truong Vinh Ky gửi Duperré. Nguyễn Văn Trần cũng lược dịch đôi phần; Trần 1993, tr. 40-41. Tựa sách này lưu trữ trong thư viện Mitterand, Paris và được P. J. Honey

dịch qua Anh ngữ: *P.J.B. Truong Vinh Ky, Voyage to Tonking in the Year At Hoi (1876)*, trans. by P. J. Honey (London: 1982).

Trọng tâm báo cáo chính trị, Petrus Key tin rằng cả người Bắc kỳ lẫn Pháp đều hưởng lợi nếu Pháp bành trướng ảnh hưởng ra miền Bắc. Vấn đề cần tra cứu thêm là liên hệ giữa Petrus Key với nhóm Paulus Thy, tức Lê Bá Đình, và Constantin, Pène-Seiffert, v.. v... trong âm mưu biến Lê Bá Đình thành Lê Gia Hưng, con cháu nhà Lê, sẽ khởi nghĩa ngày 6/11/1879 với niên hiệu Ứng Thuận—mà triều đình Huế cho là “những lời nói vu vơ của Mô-răng [Motandini];” (67)

67. P.J.B. Truong Vinh Ky, *Voyage to Tonking in the Year At Hoi (1876)*, trans. by P. J. Honey (London: 1982), pp 122-25; CAOM (Aix), Indochine AF, 14/A 30(31); GGI, d. 11939; *DNTLCB*, IV, LXII. 34:1877-1880, 1975:262;

Petrus Key cũng nêu lên tình trạng Lương-Giáo nghi ngờ, thù hận lẫn nhau, và tiết lộ nhiều giáo mục bán xứ đã hành động quá đáng trong lúc trả thù, báo oán (tức vụ Văn thân nổi dậy và vụ nổi loạn của Hồ Văn Vạn cùng nhóm lính đánh thuê cũ của Garnier). Đáng lưu ý và cần nhấn mạnh rằng Petrus Key, với phương vị một đặc sứ của soái phủ Pháp, gốc nước Nam Kỳ thuộc Pháp—nhưng cuối đời, không xin nhập Pháp tịch—dùng những tiếng như “*rebelles*” [ngụy, tức giặc hay làm loạn] để diễn tả các tổ chức và cá nhân kháng Pháp ở miền Bắc. Và đây không phải là lần đầu hay cuối cùng. [Người học sử Việt không thể không nghĩ đến Lê Tấn với những tiếng như “bạn nghịch,” “phản,” hay “yêu đảng” trong *An Nam Chí Lược* hơn 500 năm trước khi nói về Hai Bà Trưng, Triệu Ẩu, Nùng Trí Cao, v.. v...; hay “giặc” [*rebelles*] mà Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục dùng để chỉ các lãnh tụ Cần Vương như Phan Đình Phùng, trong thư ngày 21/8/1944 gửi Toàn Quyền Jean Decoux, để tô hồng công lao trung thành với bát cơm Bảo hộ Pháp của họ Ngô, từ Ngô Đình Khả xuống Khôi, Diệm, v.. v.. ], (68)

68. “Những Kẻ Phản Nghịch;” *ANCL*, q XV: Nhân vật, 1961:240-242; Chính Đạo, *VNNB*, 1939-1975, IA: 1939-1946, tr 200.

Chẳng hiểu Duperré, lúc ấy đang nghỉ phép ở Paris, nhận được báo cáo của Petrus Key ngày nào. Chỉ biết ngày 1/6/1876, khi Duperré sắp lên đường trở lại Đông Dương, Fourichon chỉ thị là không được can thiệp vào Bắc Kỳ và phải ngăn cản các giáo sĩ làm loạn hay khôi phục nhà Lê. (69)

69. AMAE (Paris), *Documents Diplomatiques*, I, 1883:55-57;

Ngoài ra còn nhân vật Paulus Thy, tức Lê Bá Đình—gốc Thủ Dầu Một, nhưng tự xưng gốc Bắc Kỳ, thông ngôn cho lãnh sự Louis Turc—tự xưng là Lê Gia Hưng, niên hiệu Ứng Thuận, âm mưu “khởi nghĩa ngày 6/11/1879. (70)

70. CAOM (aix), GGI, dossier 11939.

Ngày 23/5/1877, Albert Picquet thay Fourichon làm Bộ trưởng HQ&TĐ (cho tới 23/11/1877), nhưng đại cương vẫn theo chính sách của người tiền nhiệm. Ngày 31/5, Bộ Ngoại giao Pháp thông báo cho Hoàng Nhiệm biết Philastre—một chuyên viên Hán ngữ, từng bỏ công thông dịch và tóm lược bộ Luật Gia Long do Nguyễn Văn Thành chủ biên, hoàn tất năm 1815, được áp dụng tới năm 1879; cùng bộ lược sử Nam Kỳ—sẽ thay thế Rheinart. Hơn một tháng sau, ngày 5/7, Đề đốc Lafont được cử làm Thống đốc kiêm Tư lệnh Nam kỳ, thay Duperré hồi hương theo đơn xin.

Ngày 9/9/1877, Đề Đốc Lafont xuống tàu qua Đông Dương. Thời gian này, cuộc khủng hoảng chính trị khiến chức Bộ trưởng HQ&TĐ thay đổi hai lần trong vòng chưa đầy một tháng. Ngày 23/11, Đô đốc Albert Roussin được cử làm Bộ trưởng HQ & TĐ, nhưng chỉ tới ngày 13/12 đã phải bàn giao cho Pothuau.

Cuối năm 1877, sau khi nói chuyện với Philastre, Lafont có vẻ thỏa mãn về thái độ của triều đình Huế: không những tiền thuế nộp đầy đủ, mà còn trừng phạt những người phạm tội, kể cả Tổng đốc “Binh-tu-nan” [Vệ Chính Nam Tôn Thất Thuyết?]. Nhưng chỉ hơn hai tháng sau, Lafont viết cho Pothuau:

Với chúng ta, triều đình Huế chỉ có sự thù ghét sâu đậm.... Tất cả những sự nhân nhượng của chúng ta sẽ bị coi là nhu nhược.(71)

71. *DD I.*, 1883:74-75, 78-81; Báo cáo ngày 21/3/1878; 10Hxxx [2];

Phản vua quan Nguyễn phải đối đầu với những khó khăn muôn bề, muôn mặt. Tại miền Bắc, giặc giã triền miên. Ngoài thổ phỉ và hải tặc Trung Hoa, giáo dân Ki-tô và bọn côn đồ từng phục vụ đạo quân của Garnier kết thành nhiều nhóm thổ phỉ và hải tặc dưới sự che chở, nếu không phải chỉ huy, của các giáo sĩ. Kho tàng trong nước hầu như trống rỗng, trong khi chiến phí ngày một cao, nguồn lợi tức ở miền Nam bị cắt đứt. Hoàng Nhiệm phải tiếp tục chính sách bán quan tước cho những người giàu có, tăng thuế tư điền, và rồi cắt nhượng cho Hoa thương độc quyền buôn bán thuốc phiện, cùng khai thác các mỏ khoáng sản và kim loại.

Trong hàng quan lại, những cột trụ triều đình như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương v.. v... nối tiếp nhau từ trần. Một số khuôn mặt đáng kể khác bắt đầu vượt thặng hay xuất hiện, như Hoàng Kế Viêm, Trần Đình Túc, Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường, Phạm Thân Duật, Nguyễn Hữu Độ v..v... Lùng lẫy hơn cả là Viêm và Thuyết. Tháng 8-9/1875, Tổng đốc Ninh-Thái Thuyết bắt sống được thủ lĩnh Cờ Vàng là Hoàng Sùng Anh, giết được nhiều đồ đảng của Anh. Hoàng Nhiệm húng khởi, khen: “Thuyết là tướng có uy vũ, ra trận bắt chém giặc, đến đâu được đấy.” Viêm thì có công thu phục được đầu lĩnh Giặc Cờ Đen là Lưu Vĩnh Phúc, và liên thủ với nhà Thanh dẹp giặc Lý Dương Tài ở vùng Lạng Sơn. Tài là Hiệp trấn Tầm Châu, sau bị cách chức, trốn qua Việt Nam, tự xưng làm dòng dõi nhà Lý. (72)

72. *DNTLCB*, IV, LIV, 33: 1874-1876, 1975:225-226 [Tháng 8-9/1875, Thuyết v/v Hoàng Anh]; LIX, LX, LXI, LXII, 34:1877-1880, 1976:121, 123,163, 219, 238, 239, 242, 247, 268, 271-272 [tháng 10-11/1879, bắt được Tài ở núi Hậu Sơn, xứ Giả Nham, Thái Nguyên, áp giải về TH]. Theo CBTN, Tài bị bắt tại Lũng Đãng ngày 15/10/1879; CBTĐ, 11/9 TĐ XXXII [25/10/1879], 9-10, CB 454:38-40 [2003:267]. Thực Lục ghi, quân Nguyễn bắt được Tài ở núi Hậu Sơn, xứ Giả Nham, Thái Nguyên, rồi giải giao về Trung Hoa. Theo lãnh sự Pháp ở Hà Nội, Tài bị quân Thanh

giết; Báo cáo ngày 17/10/1879, Kergaradec gửi  
Goucoch; CAOM (Aix), Amiraux, Dossier 13018.

Trong hai năm 1876-1877, Dịch Trung Từ Viêm và Vệ Chính Nam Thuyết được coi như quyền thế nhất đất Bắc. Tuy nhiên, hai đại thần này cũng ra mặt đối nghịch nhau. Thuyết, vì chủ trương phải cứng rắn với giặc Cờ Đen, bị triều hồi về Huế, và có một thời gian đòi từ quan đi tu, nhưng Hoàng Nhiệm không chấp thuận. Cuối cùng, năm 1878, Thuyết được về Thanh Hoá nghỉ bệnh "tâm hỏa." (73) Từ đó uy thế Viêm lừng lẫy đất Bắc. Trên thực tế, các quan lại và giới văn thân đất Bắc có phần tôn trọng Viêm hơn cả Hoàng Nhiệm và "triều đình khi dân."

73. Hoàng Nhiệm đặc biệt quý nên và nâng đỡ Thuyết cũng như Nguyễn Văn Tường. Tuy nhiên, dưới áp lực của Pháp, năm 1878, Hoàng Nhiệm phải cách chức Thuyết, cho về quê dưỡng bệnh đến năm 1881.

Tại Huế, từ sau ngày "đòi" được Hà Nội năm 1874, Nguyễn Văn Tường và Trần Tiễn Thành, người có công cất nhắc Tường, trở thành hai nhân vật quyền thế nhất. "Thương bạc" Tường là một thứ Thượng thư Ngoại Giao của Hoàng Nhiệm. Cơ sở quyền lực của Tường cũng bắt đầu được gây dựng qua cuộc hôn nhân giữa con trai Tường và một quận chúa thuộc phòng Hoàng Cai, cha của hai con nuôi Hoàng Nhiệm là Ứng Kỳ (Đường) và Ứng Đăng. Tuy nhiên, Tường cũng tạo cho mình một kẻ thù không đội trời chung là Rheinart qua những buổi tranh luận nảy lửa về việc thực thi những điều khoản của Hiệp định 1874, đặc biệt là điều 8 và điều 9 về việc đối xử với giáo dân, cùng việc thảo luận ngay tại Huế Phụ ước thương mại ngày 30/8/1874..(74)

74. CAOM (Aix), Amiraux, Dossiers 12768/3 12772/1 (thư ngày 2/10/1875, Rheinart gửi Dupré), 12774 (thư ngày 9/10/1875 và 16/10/1875, Rheinart gửi Dupré), 12775 (thư ngày 23/10/1875, Rheinart gửi Duperré), 12776/3 (thư ngày 27/10/1875, Rheinart gửi Nguyễn Văn Tường), và 10445, 10468, 12820/1, 12821/1. Xem thêm chi tiết trong Thuần, 1990: chương VII.



Gay go nhất là điều khoản thứ hai của hiệp ước 15/3/1874, bảo đảm sự tự chủ của Đại Nam, nhưng mặc dù Philastre đã xóa bỏ thuật ngữ “bảo hộ,” thay bằng từ “bảo trợ [assistance],” các viên chức thuộc địa Pháp đều coi Đại Nam như một xứ bảo hộ, tách biệt khỏi hệ thống thông hiếu cổ truyền giữa Trung Hoa và Việt Nam.

Bởi vậy, ngay sau khi những chữ ký trên văn bản Hòa ước 15/3/1874 vừa khô mực, lại có những ước muốn xóa bỏ nó, thay bằng một Hiệp ước mới. Hai phụ ước thương mại Jules Krantz-Nguyễn Văn Tường chỉ là bước khởi đầu cải biến Hiệp ước 1874 thành những trang chữ chết. Đường lối ngoại giao chiến thuyền và luật kẻ mạnh thượng cổ này kéo dài cơn hấp hối của nền độc lập/tự chủ của Đại Nam thêm hơn một thập niên.

### B. NỀN NGOẠI GIAO “HÉ CỬA”:

Từ thập niên 1860, triều Hường Nhiệm đã thu gặt được một số bài học vỡ lòng về ngoại giao theo kiểu Tây phương đương thời. Hường Nhiệm là một nho sĩ xuất sắc, muốn được so sánh với Hán Văn Đế, yêu thích sử và văn thơ. Nhưng giống như đại đa số những hủ nho trong một xã hội tiền kỹ nghệ hóa, Hường Nhiệm tốn quá nhiều thì giờ trong việc học chữ Nho, rồi Nôm, trở thành tù nhân tự nguyện của “thánh giáo” từ chương, cùng tiếng ca, điệu bộ diễn xuất của đào kép hát bội, khiến vua không được trang bị và cũng thiếu khả năng lãnh đạo một vương quốc trong cơn bão táp thực dân. (75)

75. *ĐNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974:6-7; [Hường Nhiệm tự ví như Hán Văn Đế, Tống Nhân Tông. Ít nói. Khác với Đường Thái Tông nói nhiều]. [Trên mộ bia, too]

Có bốn yếu tố chính khiến Hường Nhiệm rơi vào cảnh “đánh chẳng được, hòa chẳng yên,” hành xử như loài ngựa vằn húc đầu vào bụi rậm chờ ngày bị mãnh thú nhai nuốt. Thứ nhất, một yếu tố vượt ngoài sự kiểm soát của vua, là gánh nặng di sản văn hóa/chính trị mà vua được di chiếu phải bảo vệ—tức **tự cô lập** và **cấm đạo** Gia Tô từ thời Nguyễn Phước Đảm. Chính sách này đẩy khối giáo dân Ki-tô vào thế tử thù của chế độ, và không ít người sẵn sàng nương tựa Pháp để lật đổ Hường Nhiệm. Lá thư của Petrus Key chuyển đến tay

Trung tá Jean Bernard Jauréguiberry vào cuối tháng 3/1859, hay những toán thổ phỉ và hải tặc Ki-tô trong nỗ lực mở mặt trận thứ hai ở Bắc Kỳ từ Vũ Văn Kịch, Tạ Duy Phụng v.. v... đến Hồ Văn Vạn thập niên 1870 là những thí dụ tiêu biểu. Đồng thời, chính phủ Pháp cũng tìm thấy một cái cớ để biện minh “quyền” đánh chiếm Đại Nam, lập một tân trào dựa trên các thầy kẻ giảng và 600,000 giáo dân bản xứ. (*Chi tiết này bị “bỏ quên” trong sử văn cổ điển*). (76)

76. Xem **biên bản phiên họp cuối của Ủy ban Cochín-Chine năm 1857**; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4-752 B; Cao Huy Thuần, 1990:27-35; Nguyễn Vũ, *Paris Xuân 1996* (Houston: Văn Hóa, 1997), tr 202-14.

Thứ hai, là chứng bệnh kinh niên từ nhỏ—chóng mặt, nhức đầu, khiến thân thể gầy ốm, chỉ sống được nhờ thuốc men (mà có người cho là bệnh động kinh) — khiến từ giữa thập niên 1870 khả năng cai trị của Hoàng Nhiệm chỉ còn thu gọn trong vòng cấm thành, rồi thu teo lại chỉ còn trên giường bệnh.

Thứ ba, là bóng đen của các phụ chính đại thần, đặc biệt là Trương Đăng Quế, cho tới khoảng năm 1862; và sự sụp đổ của cả hệ thống trật tự chính trị/xã hội dựa trên Khổng giáo, qui tâm về Yên Kinh.

Thứ tư là ảnh hưởng của Từ Dự thái hậu, con bò câu lớn nhất tại Huế—một chiếc bóng mờ của Từ Hi thái hậu nhà Thanh—nhưng đủ ảnh hưởng bắt Hoàng Nhiệm đổi bằng mọi giá việc tôn trọng vài chục mẫu đất hương hỏa nhà họ Phạm và họ Hồ trong các hiệp ước 1862 và 1874.

Từ ngày được đích thân cầm quyền, Hoàng Nhiệm thử nghiệm nhiều cải cách, như củng cố và tăng gia quyền lực hoàng tộc theo lối nhà Thanh; hay, trái với cảm nhận đại chúng do các nguồn thông tin thuộc địa và truyền giáo, từng sử dụng nhóm duy tân Trần Tiễn Thành, Đặng Huy Trứ, Nguyễn Trường Tộ, v.. v...

Năm 1866, Hoàng Nhiệm gửi một sứ đoàn qua Pháp, do Giám mục J. D. Gauthier cầm đầu, có Nguyễn Trường Tộ, Linh mục Nguyễn Điều, Phó tế Nguyễn Hoàng, Nguyễn Tăng Doãn, Trần Hiếu Đạo, tháp tùng. Chuyên đi sứ lịch sử thứ hai này không toàn vẹn. Rời

Sài Gòn vào tháng 1/1867, tới Paris tháng 3/1867, ngày 17/7/1867 rồi 17/10/1867 thương bạc yêu cầu bỏ dỡ mọi việc, về nước. Rồi Pháp ngày 25/11/1867, ngày 29/2/1868 thay trò Gauthier về tới Huế. Vì biến cố Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây vào tháng 6/1867, và phản ứng của giới văn thân, kế hoạch thành lập một trường Quốc Học bị hủy bỏ. Nhưng Gauthier lại qui trách nhiệm cho các đại thần—như Võ hiền Hiệp Biện đại học sĩ Nguyễn Tri Phương, thương thư bộ Binh, Cơ Mật Viện Đại thần. Thực ra, Gauthier cũng chẳng tìm được nhân tài Pháp nào để giúp kế hoạch duy tân của Hoàng Nhiệm có hy vọng thành công. Trong khi đó, Trần Tiễn Thành—thay Trương Đăng Quế từ năm 1862, nhưng từ năm 1866 chỉ còn giữ bộ Công—tiếp tục nỗ lực cải thiện bang giao Việt-Pháp hoặc thiết lập quan hệ với các nước.

Hoàng Nhiệm muốn gửi một sứ đoàn khác qua Pháp xin chuộc lại 6 tỉnh vì chuyến đi Sài Gòn của Trần Tiễn Thành vào tháng 1/1868 đã thất bại. Tộ được phép về thăm mẹ già, rồi trở lại Huế. Nhưng Nguyễn Trường Tộ đổi ý nói không nên gửi sứ đi Pháp nữa. Ngày 18/4/1868, bộ Lễ cấp giấy cho Tộ trở lại Nghệ An. (Gauthier đã rời Huế ngày 7/4/1868)

Ảnh hưởng những điều trần của Nguyễn Trường Tộ—một huyền thoại khác trong lịch sử Việt, chưa được nghiên cứu kỹ càng—khiến Trần Tiễn Thành và đình thần tìm cách học hỏi kinh nghiệm từ Bangkok, Nhật và nỗ lực tiếp cận Bri-tên, Espania cùng bất cứ cường quốc nào khác như những đối lực với Pháp. Nguyễn Tri Phương dường cũng cởi mở đón nhận Nguyễn Trường Tộ—kể cả việc mời Tộ về Huế vào mùa Đông 1870-1871 để nghe Tộ trình bày kế hoạch đánh úp Sài Gòn, chiếm lại sáu tỉnh. (77)

77. Báo cáo ngày 10/1/1867, Lagrandiere gửi BHQ&TĐ; BB4-876; Cần, 2002:49-53; ĐNTLCB, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:59-60; TTLTTU 2, CBTĐ, CB 364, 30/11 TĐ XXIII [20/1/1871]; Trương Bá Cần, Phụ Bản VII (3 [30/12/1870 thay vì 2/12/1870, vì tháng 10 nhuận], 4 [20/1/1871], 5 [9/2/1871]), 2003:568-569, 569-571, 571-572] đều có sự đồng ý của Nguyễn Tri Phương.

Thế lực nhóm duy tân/chủ hòa hay hợp tác tạm suy giảm từ 1866 tới 1871 vì sự hiện diện của Nguyễn Tri

Phuong—một lão tướng từng tới Vụng Lắm, Phú Yên, nói chuyện với Edmund Roberts, Lãnh sự Mỹ cuối năm 1832 đầu năm 1833, khi Nguyễn Trường Tộ còn ấu thơ—nhưng lập trường cầu hòa của mẹ con Hoàng Nhiệm và Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ vẫn thống trị triều đình. Sau khi điều Nguyễn Tri Phương ra Bắc lần thứ hai mùa Hè 1872, Hoàng Nhiệm và Trần Tiễn Thành tâm đầu ý hợp cho tới năm 1880, khi Trần Tiễn Thành cao tuổi và sức khỏe không được như cũ, từng bị phạt đánh 100 roi, vì gửi thư ngoại giao cho sứ đoàn, không đúng ý vua; nên được bớt trách nhiệm tại bộ Binh. Tuy nhiên, một số Hoàng thân, công tử như Miên Định, Miên Trinh, Hoàng Dật, Hoàng Hưu, Hoàng Sâm, Hoàng Phi, v.. v... đã hoặc đang nghiêng dần về lập trường hợp tác với Pháp; chống lại phe quân phiệt, chủ chiến Hoàng Kế Viêm, Tôn Thất Thuyết, Ông Ích Khiêm, v.. v... đang ngày đêm đối diện cả bốn loại kẻ thù: thực dân Pháp, giáo sĩ và giáo dân Ki-tô, thổ phỉ và hải tặc, cùng quan quân Thanh.

Kinh nghiệm thương thuyết với Pháp từ năm 1859—như cử đại sứ toàn quyền để ký thương ước, hòa ước cắt đất cùng trả tiền bồi thường chiến phí, v.. v... —cũng khiến Hoàng Nhiệm muốn chuyên nghiệp hóa ngành ngoại giao; trước đây chỉ đóng khung trong hệ thống “thông hiếu” [*tributary network*], tức nước nhỏ thờ nước lớn, cho tới ngày bị thương quốc thôn tính, tiêu diệt và lập miếu thờ. Nhà Thanh còn đóng góp thêm kinh nghiệm lập một cơ quan ngoại giao riêng, tức *Tổng lí các quốc thông thương sự vụ nha môn*—gọi tắt là *Tổng lí nha môn*, *Dinh thự* (phòng phiên dịch), hay *Tổng thự* (phòng trung tâm) —chính thức hoạt động ngày 11/3/1861. Vì Đại Nam là một nước nhỏ, Hoàng Nhiệm chỉ đặt chức “kiêm lĩnh Thương bạc Đại thần.” Người đầu tiên được cử vào chức vụ này là Thượng thư bộ Lễ Phan Huy Vịnh, rồi Thượng thư bộ Công Trần Tiễn Thành, sau cái chết của Vịnh. Giữa thời gian khủng hoảng Jean Dupuis-Francis Garnier, chỉ trong vòng một tháng, Hoàng Nhiệm dùng tới hai Thương Bạc đại thần. Tháng 11/1873, Nguyễn Chính được cử lên chức Quyền Thương Bạc Đại thần. Tháng sau, 11-12/1873, thự Binh bộ tham tri Nguyễn Hữu Lập lên làm quản lý Thương bạc, vì Nguyễn Chính ra Bắc làm Khâm lược. (78)

78. ĐNTLCB, IV, XLIX, 32:1870-1873, 1975:335, 345.

Linh mục Montrouzier viết ngày 16/6/1868 [Cần,2002:59-60]

Hiển nhiên, đường lối ứng xử của Hoàng Nhiễm với Pháp nói riêng, và các lân bang nói chung, quá lỗi thời. Những thay đổi, nếu có, chỉ hình thức. (79)

79. Nhận xét của Philastre về Hoàng Nhiễm của Philastre, người được Hoàng Nhiễm tin cậy, nhiều lần giải bày tâm sự. Nguyễn Thế Anh, *Monarchie et fait colonial au Việt-Nam (1875-1925): Le crépuscule d'un ordre traditionnel* (Paris: Harmattan, 1992), pp 41-46.

Nhưng muốn đánh giá sâu sát nỗ lực ngoại giao của Hoàng Nhiễm, cần nhận hiểu vị thế một nạn nhân của “luật kẻ mạnh” hạ bán thế kỷ XIX. Sự vụng về hay lỗi thời của Hoàng Nhiễm—đúng hơn là ảo vọng vào một thế giới “*hà tất viết lợi, viết nhân nghĩa nhi dĩ hĩ*,” và phải mười năm sau khi viễn ảnh cái chết mở rộng tâm trí hơn để nhận hiểu **cái ác** của những kẻ xâm lược—đáng được giảm khinh trong so sánh tỉ đối với lập trường quan tướng Pháp (tính chất giai đoạn của mọi hiệp ước, tùy theo khả năng quân sự và nhu cầu; kẻ mạnh luôn tìm ra những cái có [*prétextes*] để hành động: từ tự do giao thương trên sông Hồng, tới Lý Dương Tài, bạc giả, đánh đòn người Âu, hay cái chết của Henri Rivière). Cần nhấn mạnh thêm, ở thời điểm này, Pháp cũng ít khi tôn trọng các đại diện ngoại giao của mình. Aubaret năm 1864 và Bourée năm 1882-1883 chỉ là vài thí dụ.

Thế kỷ XIX-XX cường quốc vẫn còn kiêu hãnh đặt tên cho những cuộc xâm chiếm nước nhỏ là “gánh nặng của người da trắng.” Một Thủ tướng Pháp được mang biệt danh *le Tonkinois*—không vì ông ta sinh ra ở Hà Nội hay Bắc Kỳ—mà vì chủ trương đánh chiếm miền Bắc. Ngày 20/1/1946, khi tiếp Paul Mus—đặc phái viên của Linh mục/Cao Ủy Georges Thierry d’Argenlieu về Paris xin phép được nhắc đến tiếng “độc lập” trong khi thương thuyết—Thủ tướng Charles de Gaulle chẳng những không thuận, còn đứng thẳng người lên, tuyên bố: “Chúng ta trở lại đó vì chúng ta là những kẻ mạnh

hon.” [Nous rentrons en Indochine parce que nous sommes les plus forts]. (80)

81. L’Institut Charles de Gaulle [ICG], *Le Général de Gaulle et l’Indochine, 1940-1946* (Paris: Plon, 1982), p 73; D’Argenlieu, *Chronique*, 1985:131-33. Chính Đạo, *VNNB, I-A: 1939-1946*, 1996:301. [Tài liệu văn khố ghi nhận ngày 7/1/1946, de Langlade thông báo với d’Argenlieu là Mus gặp Bộ trưởng Hải Ngoại Soustelle; rồi ngày 20/1/1946, de Langlade cho biết Mus sẽ gặp de Gaulle, Soustelle và Tướng Juin]; SHAT (Vincennes), Indochine, 10 H xxx].

Ngay đến đầu thế kỷ XXI, nhóm Thường Vụ Bộ Chính Trị Đảng “Cộng Sản” Trung Hoa do nhóm tội phạm chiến tranh toàn cầu cũng nhe nanh, múa vuốt cướp đoạt 9 phần 10 biển Đông Nam Á, kể cả hai quần đảo Trường Sa và Trường Sa của Việt Nam, cùng những biển đảo khác của Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Bru-nê Ma-lay-a, rồi Nhật Bản, Đài Loan, với độ kiêu căng, xác xược, nên kéo ra trước những tòa án quốc tế, hủy bỏ chiếc ghế thường trực trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc mà Xi Jin-ping [Tập Cận Bình] cùng đồng phạm ở Trung Nam Hải chẳng hề tôn trọng, chỉ dung cơ quan Liên Hiệp Quốc như một phương tiện thực hành các tội ác chống lại Nhân Loại, tội ác chống lại Nhân Quyền, tội ác diệt chủng [Genocide], xâm lược đất đai và biển đảo, tra tấn, v.. v.. Trong khi đó trâng tráo phủ nhận phán quyền của các tòa quốc tế như Tòa Trọng Tài Thường Trục The Hague, v.. v..

Bởi thế, những nỗ lực ngoại giao mà nhiều nhà duy tân đề xướng đều chẳng mang lại kết quả.

1. Nỗ lực nối lại bang giao với Xiêm La từ 1860 hoàn toàn thất bại. Mongkut hay Rama IV (1851-1868) và Surisavong có nhiều việc phải quan tâm hơn bang giao với Huế. Đại diện Xiêm (A La Hàm) tiết lộ phải được Pháp chấp thuận mới có thể “thông hiếu.” Năm 1879, Hoàng Nhiệm cử Nguyễn Hiệp và Đinh Văn Giản đi sứ Xiêm, được Chulalongkorn, tức Rama V (1868-1910), tiếp đãi ân cần và đồng ý gửi sứ qua Huế, dự trù vào tháng 5/1880. Từ tháng 8/1879, Huế đã bỏ công sức chuẩn bị đón tiếp long trọng. Nhưng cuối cùng, Krung-thếp dò ý Lãnh sự Pháp, rồi tuyên bố hủy bỏ sứ đoàn.

Uổng phí công sức chuẩn bị đón tiếp là việc nhỏ; chúng nhưc đầu kinh niên của Hường Nhiệm hẳn tăng thêm trước thực tế gai góc bị cô lập của “Trung Quốc miền Nam.” (82)

82. *ĐNTLCB*, IV, LX, LXI, 34:1877-1880, 1976:182-183, 233-235; *TTLTQG II* (TP/HCM), *CBTĐ*, 7/12 *TĐ XXXI* [1879], CB 440:262-263; [2003:260].

Tháng 5/1880, vua sai Thương bạc viết thư phản đối Pháp, viện dẫn điều 3 hiệp ước 1874, theo đó Đại Nam có quyền duy trì ngoại giao với những nước đã có liên hệ cũ, nhưng Thống đốc Pháp không đồng ý, nên “sứ Xiêm không đến được.” Năm 1881, Hường Nhiệm lại gửi sứ qua Xiêm. Mùa Xuân 1882, Xiêm mới thuê tàu Pháp chở quà tặng đáp tạ. (83)

83. *ĐNTLCB*, IV, 27:1847-1852, 68 , 29:132, 30:193, 31:15, 94, 33:13 [Điều III], 34:233-235, 341-342; 35:98; *TTLTTU 2* (TP/HCM), *CBTĐ*, tam thập nhị niên, lục nguyệt-thất nguyệt, 5/7 *TĐ XXXII*, CB 446:217; 2003:265 [Ngày 22/8/1879, Bộ Công trình việc sửa lại Thủy sư sứ quán để đón phái đoàn Espania và Xiêm]; Tam thập nhị niên, thập nguyệt-thập nhị nguyệt, 27/11 *TĐ XXXII*, CB 458:200-213; [2003:275] [Ngày 29/12/1879, chuẩn bị đón tiếp sứ Xiêm; tra cứu việc đón sứ đoàn năm Gia Long thứ 8, thứ 15 và Minh Mạng thứ 11]; *AMAE* (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 33, tờ 91; [Nguyễn Thế Anh, 1992:49].

Từ năm 1865, Pháp và Xiêm cũng bắt đầu thảo luận về chủ quyền trên Kambojia—mà theo lối diễn tả của Nguyễn Phước Đảm, giống như miếng xương sườn gà, trông thì ngon, nhưng khó nuốt. Năm 1867, Xiêm đòi quyền bảo hộ Kambojia cho Pháp, lấy hai tỉnh Battambang và Siamreap. Có lẽ vì thế kinh nghiệm Xiêm La khá hấp dẫn ở thời điểm này. Thực ra, dòng họ Chakri may mắn hơn tài giỏi. Con triều thuộc địa chưa lên đến cao điểm. Năm 1888, Pháp bắt Xiêm cắt nhượng dần bốn tiểu quốc Lào để năm 1893 Liên bang Đông Dương có được 5 xứ. Năm 1907, như một điều kiện để giữ được độc lập, Xiêm phải trả Kambojia tỉnh Battambang và Sieamreap, và Lào một giải đất thuộc

hữu ngạn sông Mekong [Khung giang] phía Bắc vĩ tuyến 15. (84) Và ảnh hưởng Bri-tên thống trị trên Xiêm.

84. Ngày 20/10/1940, Thủ tướng Phibun Songkham tuyên bố Pháp đã chiếm của Thái Lan 467,500 dặm vuông lãnh thổ; và gần 4 triệu dân. Ngày 11/3/1941, dưới áp lực Nhật, chính phủ Pétain nhượng cho Thái 23,000 cây số vuông đất tại Cambodge và Lào, cùng 64,000 dân; *International Military Tribunal for the Far East* [IMTFE], III:6721. Xem thêm Milton E Osborne, *The French Presence in Cochinchina and Cambodia: Rule and Response (1809-1905)* (Ithaca: Cornell Univ. Press, 1969), Part III, pp. 175-258. Sau năm 1945, Căm Bốt lấy lại đất cũ. Tòa Trọng Tài Thường Trực The Hague cũng ra phán quyết vùng đất phía tây Angkor Wat thuộc chủ quyền Căm-Bốt.

2. Phần Kambojia cũng khai thác tối đa sự suy yếu của Huế. Dựa thế Pháp, Ang Duong và rồi Norodom khuấy rối biên giới, đòi lại đất đai đã bị *yuon* [Việt Nam] lấn chiếm. Năm 1859, quan hệ Kambojia-Đại Nam căng thẳng về việc hơn 1,000 người Chăm và Đồ Bà nổi loạn, trốn qua An Giang. Năm sau, quân Khmer quấy nhiễu vùng biên giới, dài theo kinh Vĩnh Tế.

Theo đúng truyền thống, cái chết của Ang Duong vào gần cuối năm 1860 lập tức tạo nên một cuộc tranh chấp nổi ngời giữa Norodom và Sisowath, nhưng lần này Huế không còn tiếng nói nào. Oudong còn chẳng bận tâm sai sứ sang An Giang báo tang. Từ ngày Léonard Charner mang quân tới giải tỏa Sài Gòn, đánh phá chiến lũy Kỳ Hòa, rồi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, Sài Gòn thay Huế bảo hộ Kambojia. Ngày 11/8/1863, Norodom ký với Thống đốc Pierre de Lagrandière (1863-1868) một Hiệp ước bảo hộ. Ngày 6/3/1864—sau một màn biểu dương chiến hạm ở cửa biển Kampot để chặn đường Norodom qua Bangkok, và thượng cờ tam tài trên cung điện Oudong ngày 3/3/1864—đại diện Pháp là Hải Quân Trung tá Louis Marie de Gonzague Doudart de Lagrée mới cùng sứ Xiêm làm lễ đăng quang cho Norodom. Từ đó, Kambojia thoát cảnh chim nhiều đầu hướng về tất cả những vương quốc láng giềng hung mạnh hơn. (85)



85. *DNTLCB*, IV, 27:68; 29:85-87, 97-98,105, 108-9,119; 132, 136, 156-157, 165; 30:193; TTLTTU' 2 (TP/HCM), CBTĐ, 2/3 TĐ X (1857), CB 193:3-5 [2003:49]; 20/6 TĐ XI (1858), CB 226:247-248 [2003:57]; 23/12 TĐ XII (1860), CB 250:236-240 [Tự Đức mật dụ về vấn đề biên giới Kambojia. [2003:88]; 10/2 TĐ XIII (1860), CB 253:255-259 [2003:96] [Kambojia muốn gây hấn]; 11/5 TĐ XIII (1860), CB 257:17-18 [2003:104]; ASME (Paris), *Lettre Commune* [LC], 1862, "Cambodge," tr 24; CAOM (Aix), Indo AF, carton 11, A 30 (8); Osborne, 1969:27-8, 30; Cao Huy Thuần, 1990:129.

3. Cuộc chiến Pháp-Phổ (1870-1871) bùng lên một hy vọng cho Hoàng Nhiệm hé mở cửa ngoại giao.

Thời gian này, Huế đã biết được tâm ý của soái phủ Sài Gòn. Giống như những người tiền nhiệm, Đề đốc Cornulier-Lucinière (8/1/1870-31/3/1871) [Cô Nô] đòi ký hiệp ước mới, với ba điểm chính: Giao trọn 3 tỉnh miền Tây cho Pháp; bồi thường Espania 1 triệu đồng; và, muốn giảng hoà với nước khác phải có sự đồng ý của Pháp. Thực ra, Pháp chỉ muốn được viết thành văn bản để tạo một căn bản công pháp quốc tế [thực dân]: Ba tỉnh miền Tây đã bỏ ngõ cho Pháp chiếm từ năm 1867.

Triều đình có những phản ứng trái ngược nhau. Thân Văn Nhiếp [thuộc một gia đình danh vọng, Tổng đốc Bình-Phú] và Hoàng Kế Viêm, Phò mã của Nguyễn Phước Đảm, yêu cầu viết thư tranh luận, bác bẻ và thông báo cho các nước lân bang, như Penang (Hạ Châu), Hong Kong, và phương Tây biết để yêu cầu can thiệp. Nhóm Trần Tiễn Thành chủ trương ôn hòa, chỉ viết thư yêu cầu Pháp xét lại. Hoàng Nhiệm chấp thuận kế hoạch của Trần Tiễn Thành; nhưng Thống đốc Sài Gòn nói thẳng là không thể thay đổi. Ít lâu sau, nhân cơ hội Pháp thua trận ở Âu châu, đất đai bị Prussia chiếm đóng, Hoàng Nhiệm viết thư chia buồn việc "quốc chủ" Pháp (Napoléon III) bị bắt, và xin chuộc sáu tỉnh miền Nam. Cornulier-Lucinière chỉ cảm ơn việc thăm hỏi, không nhắc gì đến Nam Kỳ. (86)

86. *ĐNTLCB*, IV, XLII, 32:1870-1873, 1975:7-8; *TTLTTU' 2* (TP/HCM), *CBTĐ*, 11/1 TĐ XXIII, CB 343:53-56;

Những đề nghị tấn công ngoại giao lại được mang ra thí nghiệm. Nhiều sứ đoàn Việt liên tục qua Hong Kong, Ma Cao để cải thiện quan hệ với ngoại quốc, đặc biệt là Bri-tên. Ngày 24/1/1874, Nguyễn Huy Hồn báo cáo trong chuyến đi Hong Kong và Ma Cao năm 1873 có người khuyên nên dựa vào Trung Hoa và kết giao với Bri-tên. Ba ngày sau, 27/1, Hồn trình thêm là đã nói chuyện với quan viên nhà Thanh và lãnh sự Mỹ (nhưng không ghi tên). Rồi ngày 1/2, Nguyễn Huy Hồn đề nghị gửi sứ qua Yên Kinh thương nghị với các nước để chống âm mưu Pháp phong tỏa việc ngoại thương của Việt Nam. (87)

87. Về hành trình của Nguyễn Huy Côn (Hồn), xem *TTLTQG I* (Hà Nội), *CBTĐ*, CB 254, TL 40, tờ 94-101 (10/12 TĐ XXVI [27/1/1874]); & TL 89, tờ 187 (28/12 TĐ XXVI [14/2/1874]). [*TTLTTU' 2* (TP/HCM), *CBTĐ*, nhị thập lục niên, chính nguyệt-nhị nguyệt, 8/1, 11/1 & 20/1 TĐ XXVI, CB 381:26-29, 39-41, 47-48 [2003:185-187], & *Ibid.*, nhị thập lục niên, thập nhất nguyệt-thập nhị nguyệt, 8/12, 10/12 & 15/12 TĐ XXVI, CB 385:64-66, 92-96, 110-114. [2003:198-199]; *ĐNTLCB*, IV, LI, 33:1874-1877, 1975:59.

Chính sách “hé cửa” của Hoàng Nhiệm—với những bước rụt rè, trong nỗi lo sợ các quan tướng Pháp “nổi giận”—phản ánh một thực trạng chẳng mấy phấn khởi:

a. Ba sứ đoàn Espania tới Huế năm 1870, 1879 và 1880. Sứ thần năm 1870 ký một thương ước và “đứng vái ba lần” tại điện Văn Minh. Nhưng Espania không đủ khả năng hay ước muốn chống Pháp. Espania cũng không muốn trở thành lá bài của Tự Đức, và chính sách đại cương của Madrid là duy trì và củng cố các thuộc địa hiện hữu. Hai sứ đoàn năm 1879 và 1880 đều do Đại tá Melchor [Manoel] Ordonez, Tổng Tư lệnh Philippines, và Marino Fernandez de Henestrosa, thư ký của phái đoàn Ki-tô đặc biệt ở Việt Nam, cầm đầu. Ngày 27/1/1880 [16/12 Kỷ Mão], Đỗ Đăng Đệ và Hoàng Diệu ký thương ước mới với Ordonez. Tuy

nhiên, Espania cho Pháp quyền quản trị các giáo sĩ Espania ở Bắc Kỳ và chịu trách nhiệm số tiền bồi hoàn chiến phí mà Hường Nhiệm còn thiếu. Ngày 26/9/1880, Ordonez trở lại Huế, trao đổi văn bản thương ước được phê chuẩn. Nhưng Espania chẳng có dấu hiệu nào đáp ứng sự trông đợi của Huế (như tiền bồi hoàn chiến phí). Tháng 3/1882, vừa lo sợ vừa giận dữ trước tin Paris đã quyết chiếm Bắc Kỳ, Hường Nhiệm từ chối ban huy chương cho lãnh sự Espania ở Sài Gòn “vì thương ước chưa thực hiện được điều khoản nào; lại không có công trạng gì.” (88)

88. *DNTLCB*, IV, LI, 33:1874-1877, 1975:17-18. 34:1877-1880, 1976:271, 290-295; 35:1881-1883, 1976:94. Theo học giả Nguyễn Thu Hoài, có hơn 20 tư liệu Châu bản triều Tự Đức về các sứ đoàn Espania tới Huế; TTLTQG I (Hà Nội), CBTĐ, CB 212, TL 59, 62, 63, 70, 67, 71, 73, 76, 78, 80 [1870]; CB TĐ 312, TL 82, 86 [1878]; CB 322, TL 102 [1879] CB 328, TL 89, 94 [1880] [hát bội], CB 331, TL 67 [1880]; CB 331, TL 20, 45, 59 [1880] [khoản xin giảm số bạc bồi thường chiến phí không dám tự ý giải quyết, đợi giao ước xong thảo 1 quốc thư cho vua Espania giải quyết]; CB 324, TL 104, tr. 309-310 (28/10 TĐ XXXII) [1/12/1879] [Đỗ Đăng Đệ, Hoàng Diệu tâu về việc bản thương ước hoàn toàn không sửa chữa lại điều 9, còn sau này 2 nước Pháp, Tây Ban Nha có bàn định sửa đổi việc gì quan hệ đến các giám mục, linh mục mà Hoàng đế Đại Nam có chuẩn y mới được thi hành. Khâm sứ Pháp chuẩn y]. Xem thêm, TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, tam thập nhị niên, cửu nguyệt-thập nguyệt, 8/10 TĐ XXXII [9/12/1879], CB 454:191-193, CB 452[?]:284-285) [Tự Đức tiếp kiến sứ đoàn]; 26/10 TĐ XXXII, 9-10, CB 454:300-303 [2003:273] [Sứ Espania cho biết sơ thảo hòa ước có chỗ khác biệt vì ý kiến của Pháp]; 26/10 TĐ XXXII, 9-10, CB 454:304-305 [2003:273-274] [Sứ Espania cho biết thương ước thô; giáo sĩ do Pháp cai quản]; 28/10 TĐ XXXII, 9-10, CB 454:309-314 [2003:274]; CAOM (Aix), GGI, d.11781; Sogny, “Rheinart;” BAVH, XXX, nos. 1-2 (1-6/1943), tr. 66, 73, 81-82.

Từ thập niên 1860, tướng nên nhân mạnh, triều Nguyễn đã thu gặt được một số bài học vỡ lòng về ngoại giao theo kiểu Tây phương đương thời. Hường Nhiệm là một nho sĩ xuất sắc, muốn được so sánh với Hán Văn Đế, yêu thích sử và văn thơ. Nhưng giống như đại đa số những hủ nho, Hường Nhiệm tốn quá nhiều thì giờ trong việc học chữ Nho, rồi Nôm, trở thành tù nhân tự nguyện của “thánh giáo” từ chương, cùng tiếng ca, điệu bộ diễn xuất của đào kép hát bội, khiến vua không được trang bị và cũng thiếu khả năng lãnh đạo một vương quốc trong cơn bão táp thực dân.

Những đề nghị tấn công ngoại giao thỉnh thoảng được mang ra thí nghiệm. Nhiều sứ đoàn Việt liên tục qua Hong Kong, Ma Cao để cải thiện quan hệ với ngoại quốc, đặc biệt là Bri-tên. Ngày 24/1/1874, Nguyễn Huy Hồn báo cáo trong chuyến đi Hong Kong và Ma Cao năm 1873 có người khuyên nên dựa vào Trung Hoa và kết giao với Bri-tên. Ba ngày sau, 27/1, Hồn trình thêm là đã nói chuyện với quan viên nhà Thanh và lãnh sự Mỹ (nhưng không ghi tên). Rồi ngày 1/2, Nguyễn Huy Hồn đề nghị gửi sứ qua Yên Kinh thương nghị với các nước để chống âm mưu Pháp phong tỏa việc ngoại thương của Việt Nam. (89)

89. Về hành trình của Nguyễn Huy Côn (Hồn), xem TTLTQG I (Hà Nội), *CBTĐ*, CB 254, TL 40, tờ 94-101 (10/12 TĐ XXVI [27/1/1874]); & TL 89, tờ 187 (28/12 TĐ XXVI [14/2/1874]). [TTLTTU 2 (TP/HCM), *CBTĐ*, nhị thập lục niên, chính nguyệt-nhị nguyệt, 8/1, 11/1 & 20/1 TĐ XXVI, CB 381:26-29, 39-41, 47-48 [2003:185-187], & *Ibid.*, nhị thập lục niên, thập nhất nguyệt-thập nhị nguyệt, 8/12, 10/12 & 15/12 TĐ XXVI, CB 385:64-66, 92-96, 110-114. [2003:198-199]; *DNTLCB*, IV, 33:1874-1877, 1976:59.

Năm 1873, khi Francis Garnier mang quân đánh miền Bắc, số lính đánh thuê bản xứ lên tới 12,000 người, theo tài liệu Việt; và 14,000, theo tài liệu Pháp. (*DNTLCB*, IV, q XLIX, 32:1870-1873, 1975:359), Con số này sấp xỉ số thổ binh của nhóm anh em Mạc Thúy cùng Trần Phong và Nguyễn Đại ngả theo Trương Phụ và Hoàng Phúc trong âm mưu xâm chiếm Đại Ngu năm 1406-1407 của Chu Lê/Đệ. (90)

90. Vũ Ngự Chiêu, “Giao Chỉ Đô Thống Sứ Ti, 5/7/1407-2/1/1428;” Idem & Hoàng Đỗ Vũ, *Nhục Hận Biển Đông Nam Á* (2015), tập II, tr 143, 183-186.

Hường Nhiệm cũng có kế hoạch phái người đi do thám tình hình hầu có thể đối phó với cơn sốt thuộc địa Tây phương.

Tháng 11/1870, nhân dịp Napoléon III bị bắt, Hường Nhiệm sai Nguyễn Hữu Lập đi sứ nhà Thanh cảm tạ việc Phùng Tử Tài đã mang 31 doanh quân qua đánh dẹp thổ phi tại Bắc Kỳ, với mật chỉ liên lạc các nước Cao Ly, Nhật Bản, Lưu Cầu [Ryukyus], gợi ý việc “các nước phương Tây chuyên dùng kế liên hợp với nhau để xâm chiếm các nước phương Đông, ta phần nhiều bị nọc độc ấy, nước tôi và các quý quốc đều là chung một thứ văn tự, nhưng địa thế xa cách, về phương kế tự cường, tự trị, xin để bàn riêng với người có chuyên trách.” Vua còn dặn dò, trong khi bút đàm về nước Tây, nếu là chuyện bí mật, viết vào mảnh giấy nhỏ, rồi thu lại bỏ đi, không để truyền bá ra ngoài. (91)

91. *ĐNTLCB*, IV, q XLIII, 32:1870-1873, 1975:56-59 [10-11/1870]. Tháng 10/1872, về nước, được vua khen ngợi. Hữu Lập được thăng thực thụ Thị lang, thự Tham tri bộ Hộ. Phó sứ thứ hai Trần Văn Chuẩn bị mất cấp bộ áo chầu tam phẩm được miễn tội. Ibid., q XLVII, 32:1870-1873, 1975:240. Trên đường đi, Nguyễn Hữu Lập gửi thư cảm ơn Tô đại nhân về việc dẹp Ngô Côn, và yêu cầu đánh phi Tô Quốc Hán, đang chiếm cứ Cao Bằng; TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, thập nhị tam niên, thập nguyệt-thập nhất nguyệt, không ngày, Đồng Trị IX [1870], CB 362:336-339.

Tháng 7-8/1871 [6 Tân Mùi], Hường Nhiệm bảo bộ Hộ cần nghiên cứu sử dụng ba tàu *Đằng Huy*, *Mẫn Thòa*, và *Thuận Tiếp* đi công cán nước ngoài. Noi gương hai triều Nguyễn Phước Đảm và Miên Tông [một năm hai, ba lần, không chỉ mua bán mà còn do thám tình hình]. (92)

92. *ĐNTLCB*, IV, XLV, 32:1870-1873, 1975:130. Tháng 7/1875, vua định rõ lệ mỗi năm lấy một tàu thủy, một thuyền bọc đồng ra ngoài

buôn bán. Hàng năm Nội vụ, vũ khố cùng các tỉnh chất sẵn hàng hóa ở cửa biển; tháng 12, thuyền sẽ tới lấy hàng. Nếu thừa chỗ, sẽ chở giúp hãng tư của Thanh; Ibid., XLVI, 32:1870-1873, 1975:213.

Đầu năm 1874, Nguyễn Huy Hồn báo cáo đã nói chuyện với một lãnh sự Mỹ trong chuyến thăm Hongkong, Macao và Quảng Đông năm 1873. [Viên người Mỹ này có ý muốn đến VN buôn bán nhưng nước ta không quan hệ với bên ngoài]. *Thực Lục* không nhắc việc này, chỉ ghi vào tháng 6-7/1874, vua trao 2,000 lạng bạc cho Nguyễn Huy Côn [Hồn], khâm phái tàu Đăng Huy, qua Hongkong mua súng Tây. (93)

93. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 10/12 TĐ XXVI, CB 254, TL 40, tờ số 94, & 28/12 TĐ XXVI, CB 254, TL 89, tờ số 187. [TTLTTU' 2 (TP/HCM), CBTĐ, Nhị Thập Lục Niên, Thập nhất-Thập nhị nguyệt, 10/12 TĐ XXVI (Quý Dậu) [27/1/1874], CB 385:92-96]; *ĐNTLCB*, IV, 33:1870-1873, 1975:39.

Nguyễn Huy Hồn (hoặc Côn) từng qua Hồng Kông, Ma cao, Quảng Đông và gặp gỡ 1 số người tính chuyện thông thương buôn bán với Việt Nam, trong đó có Lãnh sự Mỹ nhưng không ghi rõ tên. Nguyễn Huy Hồn còn muốn học đúc pháo, đóng thuyền và ghi chép về tình hình ở Hồng Kông.

Nên ghi thêm là dù đình thần nhiều lần nhắc đến Mỹ trong các cuộc bàn luận, cho tới đầu Thế chiến thứ hai (1939-1945), chưa một quan hệ nào được thiết lập, và có khả năng chưa vượt qua dự định hoặc ước muốn. Nguyễn Huy Hồn, chẳng hạn, không nêu tên lãnh sự Mỹ ở Hong Kong mà ông tiếp xúc năm 1873. Nội dung buổi nói chuyện cũng cho thấy “lãnh sự Mỹ” chẳng có vẻ gì thiết tha—chủ yếu trách Huế không muốn giao thương với ngoại quốc, và sự “khó tính” của Pháp trong nỗ lực riêng chiếm Đại Nam. Trong khi đó, các lãnh sự Hong Kong hay Đại sứ Mỹ ở Yên Kinh không hề đề cập đến việc gặp đại diện Huế. Trọng tâm báo cáo của giới ngoại giao Mỹ trong thập niên 1870—kể cả lãnh sự Singapore, Bangkok—chỉ có nhu cầu bổ nhiệm đại diện thương mại ở Sài Gòn.

## A. BÙI VIỆN QUA MỸ?

Vào hạ bán thế kỷ XX, xuất hiện ở Nam Việt Nam một huyền thoại là dưới triều Hoàng Nhiệm, Bùi Viện đã hai lần đến Mỹ, và năm 1873 (Quý Dậu) được đích thân Tổng thống Ulysses S Grant (1869-1877) tiếp đón. Năm 1967, khi tiếp kiến đại sứ Việt Nam Cộng Hòa, Tổng thống Lyndon B Johnson (1963-1969) cũng nhắc đến “sứ thần” đầu tiên người Việt là Bùi Viện. Tuy nhiên, cho tới đầu thế kỷ XXI, chuyến đi Mỹ của Bùi Viện vào thập niên 1870 còn là dấu hỏi lớn. (94)

94. Vũ Ngự Chiêu, “Nguyễn Ái Quốc: Người Việt Đầu Tiên Đến Mỹ? [*Hợp Lưu, số 93 Tân Niên Đính Hối*(2-3/2007), [tr 5-38] (**Phần II**) [*Hợp Lưu, số 94* (4-5/2007), [pp.5-38]

1. Cả ba [3] tài liệu Việt ngữ xuất bản tại Nam Việt Nam dẫn trên đều chép việc Bùi Viện qua Mỹ. Tuy nhiên, chi tiết khác nhau đáng kể.

a. Nhóm tác giả Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ ghi Bùi Viện được phái sang Quảng Đông để tìm cách mở mang việc buôn bán với ngoại quốc. Tại đây, ông kết giao với con Lãnh sự Mỹ và được người này hứa đem qua Mỹ xin viện trợ. Bùi Viện phải về Huế xin phép vua. Vua chưa tin, phái ông qua Hongkong hỏi cho chắc chắn rồi mới ban quốc thư. Sợ tốn thì giờ, Bùi Viện mạo quốc thư, rồi tự chế áo mào tam phẩm qua Hongkong. Chính phủ Mỹ đồng ý giúp, cử đại diện qua Việt Nam. Hoàng Nhiệm không bắt tội, lại ban cho ông danh nghĩa chính thức qua Mỹ xin viện trợ. Nhưng thời gian này, tình hình đã thay đổi. Dù đồng ý giúp, Mỹ đòi phải ứng trước 2 triệu quan để làm quân phí. Ông về tâu vua, vua cho phép kinh doanh để kiếm ra số tiền 2 triệu quan đó. Đỉnh thần hay được, khếp ông vào tội khi quân, giam ông đến chết.

b. Trịnh Văn Thanh có chi tiết tương tự như nhóm Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ (giả quốc thư, áo mào); nhưng thêm về nước Bùi Viện được vua phong làm “Tham biện thương chánh” cùng với Nguyễn Tăng Doãn coi việc thương chính ở Bắc Kỳ.

c. Nguyễn Quốc Thắng & Nguyễn Bá Thê ghi năm 1873 Bùi Viện được gặp Tổng thống Ulysses S. Grant. Grant có thiện cảm, nhưng không đồng ý viện trợ. Về

nước, Hoàng Nhiệm bổ làm Tham Tri [II-2], rồi Tham chính thương biện [IV-1?], cùng Nguyễn Tăng Doãn lo việc thương chính ở Bắc Kỳ. Ít lâu sau, làm Chánh quản đốc Nha tuần tãi. Ngày 1/11 Mậu Dần (1878) ông mất.

d. Năm 1962, Thái Văn Kiểm cũng công bố bằng Pháp ngữ việc Bùi Viện đến Mỹ. Theo tác giả, Bùi Viện nhận lệnh Hoàng Nhiệm qua Hong Kong tiếp xúc đại diện các cường quốc ở đây, hy vọng dùng áp lực quốc tế chống lại âm mưu thôn tính Đại Nam của Pháp. Qua sự giới thiệu của Lãnh sự Mỹ ở Hong Kong, Bùi Viện sang Nhật, gặp Lãnh sự Mỹ ở Hoàn Tân [Yokohama]. Từ đây, mùa Đông năm 1873, Bùi Viện qua San Francisco, rồi được Tổng thống “Simpson Grant” tiếp kiến. Nhưng vì Bùi Viện không có quốc thư, nên Grant không hứa hẹn điều gì. (95)

95. Thái Văn Kiểm, “Les premières relations entre le Vietnam et les Etats Unis d’Amérique;” *Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises* [BSEI] (Saigon), vol. 37, no. 3 (3è trimestre 1962); dẫn trong Miller, 1991:274-275n1.

Ulysses Simpson Grant (1822-1885) là một cựu sinh viên sĩ quan West Point. Binh nghiệp không có gì xuất sắc. Mãi tới khi Nội chiến bùng nổ mới được mang cấp Tướng; nhưng nổi danh nhờ những chiến thắng tại miền Nam. Năm 1868, đắc cử Tổng thống, và cai trị hai nhiệm kỳ (1869-1877). Nhiệm kỳ thứ hai, từ 1873, gặp nhiều khó khăn vì những vụ tai tiếng tham nhũng. Nổi danh nhờ Hiệp ước London với Bri-tên do Ngoại trưởng Hamilton Fish điều đình năm 1871.

## B. BÙI VIỆN VÀ SỬ LIỆU:

Sử nhà Nguyễn xác nhận Bùi Viện là một tác nhân lịch sử. Hai nguồn tư liệu chính—*Nguyễn Triều Châu Bản*, *Tự Đức* [CBTĐ], và *Đại Nam Thực Lục Chính Biên* [ĐNTLCB]—đều đề cập đến Bùi Viện.

1. *Thực Lục* ghi Bùi Viện được bổ làm **quản đốc Nha Tuần tãi** năm 1877. Nha này gồm “Chánh, phó quản đốc một người; bát, cửu phẩm mỗi chức 1 người; thư lại, 6 người; mộ dũng quyền quản, 2 người; quyền suất, 6 người; điền tu, 1 người.” (96)

96. ĐNTLCB, IV, LVIII, 34:1877-1880, 1976:65 [7/9-6/10/1877].



2. Hơn một năm sau, tháng 12/1878-1/1879 (Chạp Mậu Dần), ĐNTLCB ghi bộ Hộ đề cử Nguyễn Hữu Thực làm Phó Đề đốc Nam Định, thay Bùi Viện cai quản Nha tuần tãi. “Bùi Viện đề thiếu rất nhiều; em là Bùi Bồng phải nhận lĩnh chớ thuê để khấu trừ.” Tuy nhiên, Hộ đốc Nam Định Nguyễn Trọng Hợp [Hiệp] (1838-1902) không nhận Thực vì “chưa làm được việc gì đã lĩnh 10 vạn quan tiền công.” Vua đồng ý, cho Hợp tự lo liệu. Tổng đốc Hợp sửa lại 4 tàu thương hiệu, chọn phái các viên lĩnh mộ, sử dụng tới hơn 130 người Thanh, cho thuyền và đồng binh ra biển tập luyện. Lại ủy cho bọn bang biện người Hoa đứng ra bảo nhận thuê các hiệu thuyền Hoa đi tãi. Hợp cũng tố cáo ra vụ án tham ô tại Nam Định, khiến nhiều người bị phạt.(97)

97. ĐNTLCB, IV. 34: 1877-1880, 1976:187-188 [24/12/1878-21/1/1879]. Nguyễn Trọng Hợp [Hiệp] đậu Cử nhân năm 1858. Làm việc trong phủ Tùng Thiện công Miên Thẩm, người chịu trách nhiệm Tôn Nhơn Phủ. Năm 1865 đậu Tiến sĩ; thăng Thị độc nội các; rồi Phủ Doãn Thừa Thiên. Năm 1873, cùng Trần Đình Túc ra Hà Nội dàn xếp việc Dupuis. Khi Philastre và Nguyễn Văn Tường ra Bắc, được giao tiếp thu Ninh Bình; rồi thăng Tuần phủ Nam Định, hộ lý Tổng đốc Định-An. Tháng 4-5/1881, tả tham tri bộ Lại, tháng sau, 5-6/1881, kiêm quản lý Thương Bạc (Đối Ngoại) để tiếp sứ Espana; ĐNTLCB, IV, LXV, 35:1881-1883, 1976:24, 38; CAOM (Aix), GGI:9619; *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* [ĐNCBLT], q. 30 (Huế: Thuận Hóa, 1993), tập IV, tr 119-138.

3. *Nguyễn Triều Châu Bản*—tức tư liệu Nội các, Viện Cơ Mật và 6 bộ của triều đình, có bút phê mục đồ [son] của vua, giống như các văn khố ngoại quốc—cung cấp nhiều chi tiết hơn về thành tích làm quan của Bùi Viện.(98)

98. Giáo sư Nguyễn Phạm Hùng, Đại học Hà Nội, và học giả Nguyễn Thu Hoài, chuyên viên Hán Nôm, giúp chúng tôi làm phóng ảnh 12 trong số 25 tài liệu về Bùi Viện, và chuyển ngữ một số tài liệu cơ bản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc Gia I (Hà Nội). Do trước đây chỉ được tham khảo bản mục lục toát

yếu in *roneo* năm 1978 của nhóm học giả Vũ Thanh Hằng—tóm lược một số tư liệu *Châu bản đời Tự Đức* khi còn lưu trữ tại TTLTTU 2 (TP/HCM), rồi so sánh với ấn bản được hiệu đính của các tác giả trên do Trung Tâm Quốc Học ấn hành năm 2003—chúng tôi sẽ ghi danh số mới tại TTLTQG I (Hà Nội), kèm theo mã số của TTLTTU 2 (TP/HCM).

a. Về thân thế Bùi Viện, *Châu Bản Tự Đức* cho biết ông sinh năm Đinh Dậu (1837). Ngày 10/12/1870, Bộ Lễ trình việc Bùi Viện và em là Bùi Bồng (hay Phụng) xin Quyền lãnh Tổng đốc Định Yên Nguyễn Hiên cho cải chính năm sinh, vì lý trưởng ghi sai. Hai người mới đỗ Cử nhân (Bùi Bồng năm 1867 và Bùi Viện ân khoa tháng 10/1868). Bùi Viện xin sửa năm sinh thành Đinh Dậu (1837); Bùi Bồng, năm Quý Mão (1843). Tỉnh ấy xét thấy là sự thực xin thăm biện. Bộ Lễ thấy hai viên đó đều biết chữ, đáng lẽ khi đăng bảng thi Hương phải xin cải chính ngay, không nên đợi đến sau khi đã thi Hội mới hành động. Đề nghị cho cải chính, nhưng theo lệ phạt 6 tháng lương để răn đe. Sẽ bắt đầu khi bổ nhiệm. Về ngày mất, CBTĐ ghi Bùi Viện ốm chết đêm 24/11/1878 (mùng 1/11 Mậu Dần). Cái chết đột ngột này khiến Nguyễn Văn Tường và các quan chức cho lệnh tiến hành việc kiểm kê tất cả hóa vật và thuyền tải để tránh thất thoát..(99)

99. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 18/10 nhuận TĐ XXIII, CB 231, TL 58, tờ số 167-171, &03/11 TĐ XXXI, CB 311, TL 6, tờ số 14-21.. [Tư liệu này có những đoạn không rõ].

b. Về sự nghiệp quan trường, CBTĐ cung cấp nhiều chi tiết đáng giá. Trước hết, ngày 15/10/1877 Bùi Viện được giao nắm cơ quan đặc trách việc chuyên chở đường thủy này. Vũ Ban làm Phó Quản đốc. (100)

100. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 9/9 TĐ XXX, CB 286, TL 72, tờ số 210-212.

c. Khoảng hơn một tháng sau, ngày 18/11/1877, bộ Hộ và bộ Binh trình việc Bùi Viện đã mộ binh đồng, chinh bị chiến thuyền; xin khởi sự tiêu trừ giặc biển. Ngày này, bộ Hộ và bộ Binh cũng báo Bùi Viện đã tổ

chức bảo vệ và thu tiền bảo hiểm các thương thuyền để phụ vào chi phí của Nha Tuần tải. (101)

101. TTLTQG I (Hà Nội), CBTĐ, 14/10 TĐ XXX, CB 290, tờ 27-28, 37-44 [TTLTTU' 2 (TP/HCM), CBTĐ, tam thập niên, thập nguyệt-thập nhất nguyệt, 14/10 TĐ XXX, CB 420, tờ 27-28, 37-44; 2003:248]

d. Ngày 14/9/1878, bộ Hộ trình việc Bùi Viện can tội hối lộ nên không được xét thưởng. (102)

102. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 18/8 TĐ XXXI, CB 297, TL 101, tờ số 305-310.

e. Ngày 19/2/1879, bộ Hộ trình việc Bùi Viện vay 100 lạng bạc từ kho Nam Định, bị khiển trách. (103)

103. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 29/01 TĐ XXXII, CB 333, TL 33, tờ số 89-114. *Thực Lục* chép: Tháng 1-2/1879 [Giêng Kỷ Mão], sơn phòng sứ Hà Nội Dương Khuê bị cách chức, cho làm việc chuộc tội; *ĐNTLCB*, IV, 33:197. Việc này do Nguyễn Trọng Hợp trình lên vào tháng 12/1878, vì kho Nam Định thiếu hơn 10,000 quan; *Ibid.*, 34:192. Khuê làm sơn phòng sứ từ tháng 11 Ất Hợi (1875); *Ibid.*, 33:260.

f. Trong ba năm 1878-1880, bộ Hộ nhiều lần trình việc các tàu thuyền do Bùi Viện và Bùi Bông [Phụng] thuê chở hàng hoá đâm phải đá ngầm bị đắm và phải đền bù hàng hoá bị hư hỏng, thiếu hụt. (104)

104. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 26/9 TĐ XXXI, CB 307, TL 114, tờ 265-268; 7/7 TĐ XXXII, CB 341, TL 120, tờ 360-367; 19/6 TĐ XXXII, CB 318, TL 28, tờ 73-76; 04/12 TĐ XXXII, CB 330, TL 31, tờ 84-87. 19/12 TĐ XXXII, CB 330, TL 88, tờ 258-285.

g. Ngày 29/3/1878, Nguyễn Trọng Hợp trình Viện Thương bạc báo cáo của Bùi Viện về tình hình tiểu phí và hai bản đồ. (105)

105. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, CB 303, TL 29, tờ 64-67.

h. Ngoài ra, còn hơn 10 tài liệu khác, đều không liên quan đến việc Bùi Viện xuất ngoại hay tiếp xúc với người Mỹ.

4. Nha Tuần tải chuyên trách việc vận tải đường thủy các hàng hoá, thóc gạo, tiền và vũ khí. Mặc dù nhà Nguyễn có nhiều thuyền công, từ triều Nguyễn Phước Chung đã có thói quen thuê thuyền buôn tư nhân người Thanh trong dịch vụ này. Hai trong những lý do là nạn hải tặc và kinh nghiệm hàng hải. Việc mở cửa Ninh Hải (cửa Cẩm) tức Hải Phòng sứ tỉnh Hải Dương cho việc giao thương từ năm 1875-1876, cộng với việc cắt đứt Nam Kỳ cho Pháp, khiến vai trò tuần hải ở miền Bắc ngày thêm quan trọng. Năm 1875, tổng số tàu tuần biển và chở hàng là 403 chiếc (hư hỏng vì gió, giặc, 9 chiếc). Năm sau lên tới 458 chiếc (hỏng việc, 22 chiếc). Năm 1877, 345 chiếc (30 chuyến bị trở ngại vì bão, v.. v...). Khoảng 5,000 người Hoa đã di dân tới Ninh Hải trong hai thập niên 1860-1870, tạo thành giai tầng trung gian kinh tế quan trọng cho cả triều Nguyễn lẫn các lãnh sự Pháp. Tham biện đầu tiên ở trạm thuế Ninh Hải là Linh mục Nguyễn Hữu Cư hay Thơ, trước đó phục vụ tại Hành nhân ty, và từng tháp tùng sứ đoàn Lê Tuấn vào Sài Gòn bàn định Hiệp ước 15/3/1874. Khi từ Ninh Hải trở lại Huế năm 1880, Linh mục Cư—có lẽ vì vụ khám phá ra âm mưu nổi loạn của Huyện Thy—bị Đại biện Rheinart des Essarts kết tội “chống Pháp,” và nghi ngờ là gián điệp, không thân Pháp như Nguyễn Hoàng, một Linh mục khác làm Hành nhân từ năm 1866, mới bị cách chức. Nhưng qua khả năng mà Giám đốc chủng viện Thợ Đức, Jean Nicolas Renauld (1809-1898), khen ngợi Rheinart—tức muốn “mua [được] cả ngai vàng nhà Nguyễn” [móc nối Hoàng tử Ứng Chơn và các Hoàng thân, công tử]—sau này Rheinart cũng biến Cư thành một nhân viên ăn lương Tòa Khâm. (106)

106. *ĐNTLCB*, IV, 33:202, 268, 362; 34:88, 192, 296; Léonard Sogny, “M. Rheinart, Premier Chargé d’Affaires à Hué: Journal, Notes et Correspondance,” *Bulletins des Amis de Vieux Hué* [BAVH], XXX, nos. 1-2 (1-6/1943), tr. 66, 103-4, 110-11.

Vũ Ngự Chiêu, “Nguyễn Ái Quốc: Người Việt Đầu Tiên Đến Mỹ? [*Hợp Lưu*, số 93 (2-3/2007),

*Tân Niên Đình Hối [pp.5-38]; (Phần II) [Hợp Lưu, số 94 (4-5/2007), Tân Niên Đình Hối [pp.5-38]*

### C. DÃ SỬ TIÊU THUYẾT?

Cho tới đầu thế kỷ XXI, chưa một tư liệu văn khố nào giúp chứng minh Bùi Viện đã qua Mỹ.

1. *Văn khố Mỹ*: Các nhà nghiên cứu làm việc tại văn khố Bộ Ngoại Giao Mỹ khẳng định chưa có dấu vết Bùi Viện qua Mỹ, hoặc tiếp xúc với lãnh sự Mỹ ở Hong Kong hay Nhật. “Sứ đoàn Bùi Viện” vào thời Grant chẳng là bí mật an ninh quốc gia để phải giữ kín (như hoạt động của cơ quan OSS tại Trung Hoa và Đông Dương trước năm 1945, trong thời gian chiến tranh Việt Nam, 1945-1975). Bởi vậy, sự im lặng này của văn khố ngoại giao Mỹ thật đáng ngạc nhiên—nếu quả thực Bùi Viện đã tới Mỹ. Và, hầu như bất khả, nếu được Grant tiếp kiến.

2. *Văn khố Việt*: Tư liệu triều Hường Nhiệm cũng im lặng. Châu Bản và *Thực Lục*, như đã giải trình ở phần trên, chỉ cung cấp thông tin về Đội Tuần tãi hay cá nhân Bùi Viện. Không có ánh sáng nào về các công tác khác—như qua Hong Kong, Nhật hay Mỹ.

Dĩ nhiên, do tình trạng bị hư hại, mất mát của Châu bản nhà Nguyễn suốt hơn một thế kỷ—phần vì khí hậu, phần vì phương pháp bảo quản, chiến tranh, và nhiều lần di chuyển—có khả năng tư liệu liên quan đến chuyến đi Mỹ hay Hong Kong của Bùi Viện bị mất. (107)

107. Tại thư viện Yenching của Đại học Harvard (Boston) có vi phim [microfilms] *Nguyễn triều châu bản*, cũng như bản chữ Hán các bộ *Thực Lục* hay *Liệt Truyện*.

3. Một giả thuyết để làm việc khác là ngày đó, vì chức vị còn nhỏ, có thể Bùi Viện đã tháp tùng một sứ đoàn nào đó qua Hong Kong. Bởi thế, không thể không tra cứu thêm các tư liệu liên hệ đến ngoại giao trong giai đoạn 1870-1878—như chuyến qua Hong Kong của Nguyễn Hữu Lập, Nguyễn Tăng Doãn và Nguyễn Huy Hồn—mới hy vọng phá vỡ được sự im lặng quanh chuyến đi Mỹ của Bùi Viện trong các văn khố Việt.

Hường Nhiệm có nhiều kế hoạch phái người đi do thám tình hình hầu có thể đối phó với cơn sốt thuộc địa Tây phương.

a. Tháng 11/1870, nhân dịp Napoléon III bị bắt, vua sai Nguyễn Hữu Lập đi sứ nhà Thanh cảm tạ việc Phùng Tử Tài [Feng Zi-zai] đã mang 31 doanh quân qua đánh dẹp thổ phỉ tại Bắc Kỳ, với mật chỉ liên lạc các nước Cao Ly, Nhật Bản, Lưu Cầu [Ryukyus], gợi ý việc “các nước phương Tây chuyên dùng kế liên hợp với nhau để xâm chiếm các nước phương Đông, ta phần nhiều bị nạn độc ấy, nước tôi và các quốc gia đều là chung một thứ văn tự, nhưng địa thế xa cách, về phương kế tự cường, tự trị, xin để bàn riêng với người có chuyên trách.” Vua còn dặn dò, trong khi bút đàm về nước Tây, nếu là chuyện bí mật, viết vào mảnh giấy nhỏ, rồi thu lại bỏ đi, không để truyền bá ra ngoài. (108)

108. *DNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:56-59 [10-11/1870]. Tháng 10/1872, về nước, được vua khen ngợi. Hữu Lập được thăng thực thụ Thị lang, thụ Tham tri bộ Hộ. Phó sứ thứ hai Trần Văn Chuẩn bị mất cấp bộ áo chầu tam phẩm được miễn tội. *Ibid.*, 32:1870-1873, 1975:240. Trên đường đi, Nguyễn Hữu Lập gửi thư cảm ơn Tô đại nhân về việc dẹp Ngô Côn, và yêu cầu đánh phi Tô Quốc Hán, đang chiếm cứ Cao Bằng; TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, thập nhị tam niên, thập nguyệt-thập nhất nguyệt, không ngày, Đồng Trị IX [1870], CB 362:336-339.

b. Tháng 5/1872, Lãnh sự Prussia ở Hương Cảng là Mang Cơ cùng 7 sĩ quan và 12 thủy thủ Đồ Bà tới tiếp xúc Thương Bạc, muốn thông thương. Vua mừng lắm, sai Nguyễn Chính sang Hongkong bằng tàu Thuận Tiệp. Lãnh sự Prussia hứa chuyển thư về nước và thông báo quyết định của vua Prussia. Rồi cho tàu đưa Nguyễn Chính về nước, và bán tàu trên cho Việt Nam. (109)

109. Tháng 10/1872, mua tàu thủy *Viễn Thông* của Prussia, giá 1 vạn đồng; *DNTLCB*, IV, 32:1870-1873, 1975:237-238. Có lẽ vì vậy, các giáo sĩ tung tin Prussia đã nộp cho Tự Đức dự thảo một hiệp ước “42 điều.”

c. Năm 1878, tức hơn 4 năm sau ngày Francis Garnier đánh chiếm 4 tỉnh Bắc Kỳ để áp lực Huế phải ký Hiệp ước 15/3/1874 và hai hiệp ước phụ bổ thương mại—cắt 6 tỉnh miền Nam, cho Pháp đặt lãnh sự ở Hà

Nội, Hải Phòng sứ Hải Dương, và Thị Nại (Bình Định), cùng tự do giao thương trên sông Hồng—Hương Nhiệm gửi phái đoàn Nguyễn Tăng Doãn và Nguyễn Thành Ý đi Pháp với ba mục đích: xin sửa đổi hòa ước 1874, mở rộng giao thiệp với các nước Espania, Phổ và Bri-tên, cùng tìm thuê chuyên viên Âu châu. Doãn về nước trước trên tàu *L'Aveyron*; Ý ở lại ít lâu, hy vọng qua Bri-tên nhưng thất bại.

Trong báo cáo ngày 11/9/1878, Doãn tâu Pháp đang mạnh; phải chờ đợi tự cường; và tin rằng thế nào Pháp cũng trả ba tỉnh Nam Kỳ. Ngày 20/12, Ý nhận xét Pháp mạnh nhất thế giới; nên thành tâm hòa với Pháp; cầu thân với các nước phương Tây; tự lực tự cường giống Nhật Bản. (110)

110. France, *Documents diplomatiques [DD]* I:84; *ĐNTLCB*, IV, 34:1877-1880, 1976:143; TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, tam thập nhất niên, thất nguyệt-thập nguyệt, 15/8 TĐ XXXI, CB 435:96-101; tam thập nhất niên, thập nguyệt-thập nhị nguyệt, 26/11 TĐ XXXI, CB 440:189-198.

Hương Nhiệm không dấu sự bất mãn. Cả ba mục đích chính đều chẳng được việc gì. Pháp không chấp thuận sửa đổi hòa ước; Espania nghi ngờ, không tiếp xúc được Bri-tên, cũng chẳng tìm được người tài. Báo cáo về chính trị (dân chủ, quốc hội), thương mại (15 sở), kỹ thuật (tàu lửa chạy giữa biển), tôn giáo (giáo chủ Vatican), phong tục (một vợ, một chồng; vợ chồng cha con đi cùng một xe, nhảy đầm) thì “đều nói hão.” (111)

111. *ĐNTLCB*, IV,LV, 34:1877-1880, 1976:183-186.

5. Riêng với Mỹ, từ thập niên 1860 Huế đã có những khái niệm rõ ràng hơn về lược sử của cường quốc đang lên tại “Tây Châu” này. Năm 1868, Gauthier mang về nộp cho bộ Lễ một quả địa cầu. Khoảng năm 1864-1870, Nguyễn Trường Tộ đã bàn về việc Pháp và Bri-tên thù hận nhau vì Pháp mang quân đánh giúp nên Bri-tên mất Tây [Mỹ] Châu. “Thầy Lân”—người tự hào trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, giữa thấu đáo nhân tâm, thu tóm túi khôn của nhân loại suốt 500 năm qua—còn yêu cầu Hương Nhiệm nên nhờ Giáo hoàng và

Giám mục Gauthier đứng ra vận động để ngăn chặn tham vọng đánh cướp của Pháp. (112)

112. Di thảo số 5 và tấu của Cơ Mật Viện ngày 19/3/1868 [26/2 TĐ XXI]; HV 189/4, tờ 64-68; dịch qua Việt ngữ trong Cần, 2002:549-552]

Hường Nhiệm có vẻ tán thành đường lối này. Tuy nhiên, giữa lúc Gauthier cùng hai phái viên Nguyễn Tăng Doãn và Trần Hiếu Đạo đang mua sắm sách vở và vật dụng tại Pháp để thành lập một trường Quốc Học ở Huế, và vận động các giới chính khách Pháp, Thống đốc Pierre de la Grandière đột ngột chiếm đóng ba tỉnh miền Tây. Trước sự phẫn nộ của giới sĩ dân khắp ba miền, Huế phải tạm gác những nỗ lực dựa vào Pháp và Hội truyền giáo để canh tân.

Riêng với Liên bang Mỹ, Huế có những nỗ lực sau:

a. Giữa năm 1871, Bộ Hộ trình việc muốn thuê một số người Mỹ để sửa chữa và làm hoa tiêu cho tàu Mẫn Thòa. (113)

113. TTLTTU' 2 (TP/HCM), CBTĐ, Tự Đức Nhị Thập Tứ Niên, Tam-Ngũ nguyệt, ngày 22/4 TĐ 24, CB 369:203-207.

b. Mùa Thu 1873, nhân dịp tháp tùng sứ đoàn Lê Tuấn vào Sài Gòn, Linh mục Nguyễn Văn [Hữu] Thơ hay Cư—một trong hai giáo mục Ki-tô làm quan thông ngôn cho triều Nguyễn—ghi trong nhật ký là từng gặp Lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn. Theo Thơ, ngày 2/9/1873, Đô đốc Jules Dupré (1813-1881) tổ chức lễ tiếp sứ đoàn Việt, có mặt lãnh sự Bri-tên, Prusia, Espania, Belgium, Denmark, Dutch và Mỹ, nhiều viên chức cao cấp và 4 nhà truyền giáo. (114) Tuy nhiên, đây chỉ là cuộc gặp xã giao, và vào thời điểm này, Mỹ chưa đặt lãnh sự tại Sài Gòn. (Mới chỉ có Lãnh sự Hong Kong, Singapore, Bangkok).

114. BAVH, VII, No. 3 (Jul.-Sept. 1920), tr 370 [365-384]; ĐNTLCB, IV, 32:1870-1873, 1975:304.

c. Đầu năm 1874, Nguyễn Huy Hồn báo cáo đã nói chuyện với một lãnh sự Mỹ trong chuyến thăm Hongkong, Macao và Quảng Đông năm 1873. [Viên người Mỹ này có ý muốn đến VN buôn bán nhưng nước ta không quan hệ với bên ngoài]. *Thực Lục* không nhắc



việc trên, chỉ ghi vào tháng 6-7/1874 [5 Giáp Tuất], vua trao 2,000 lạng bạc cho Nguyễn Huy Côn [Hỗn], khâm phái tàu Đăng Huy, qua Hongkong mua súng Tây. Nguyễn Huy Hỗn (hoặc Côn) từng qua Hồng Kông, Ma Cao, Quảng Đông và gặp gỡ 1 số người tính chuyện thông thương buôn bán với Việt Nam, trong đó có Lãnh sự Mỹ nhưng không ghi rõ tên. Nguyễn Huy Hỗn còn muốn học đúc pháo, đóng thuyền và ghi chép về tình hình ở Hồng Kông. (115)

115. TTLTQG 1 (Hà Nội), CBTĐ, 10/12 TĐ XXVI, CB 254, TL 40, tờ số 94, & 28/12 TĐ XXVI, CB 254, TL 89, tờ số 187. [TTLTTU' 2 (TP/HCM), CBTĐ, Nhị Thập Lục Niên, Thập nhất-Thập nhị nguyệt, 10/12 TĐ XXVI (Quý Dậu) [27/1/1874], CB 385:92-96]; ĐNTLCB, IV, 33:1870-1873, 1975:39.

## B. NỖ LỰC TỪ PHÍA VIỆT NAM:

Cuộc “biểu dương lực lượng” của Pháp từ 1856 tới 1862—với chiêu bài đòi tự do giảng đạo—khiến từ giữa thập niên 1860, Hoàng Nhiệm cùng các đình thần bắt đầu nhận hiểu nhu cầu canh tân, và có những kế hoạch mở rộng ngoại giao với Tây phương.

1. Những bước “toàn cầu hóa” đầu tiên khởi xuất từ nhóm Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ. Nhưng các nhóm duy tân đối diện nhiều trở ngại, từ ngôn ngữ tới khoảng cách văn hóa, nên phải trông cậy vào giới giáo sĩ Pháp và giáo mục cùng thầy kẻ giảng bỏ tu—những tử thù của Khổng giáo nói chung, và vương triều Hoàng Nhiệm nói riêng. Giám mục Retord, Pellerin, Miche, Lefèbvre, Puginier, Gauthier hay Sohier đều nghĩ Hoàng Nhiệm chỉ còn nghe được tiếng đại bác, và mang nợ máu với Hội truyền giáo cùng giáo dân. Họ không từ nan bất cứ phương tiện nào, kể cả việc sử dụng giáo dân bản xứ như Trần Lục, Tạ Văn Phụng, Hồ Đình Hỷ, Petrus Key (Trương Vĩnh Ký), Huyện Sĩ, Huyện Thy, v.. v... trong công tác làm suy yếu triều Nguyễn và tiếp tay đẩy mạnh cuộc xâm lăng của Pháp. Lefèbvre, chẳng hạn, từng viết cho Paris: “Hàng ngày chúng tôi đợi tin một hạm đội đến để đòi Hoàng Nhiệm nợ máu [*Nous attendons chaque jour la*

*nouvelle de l'envoi d'une flotte venant demander à Tu Duc raison du sang qu'il a versé].” (116)*

116. *Lettre Commune* [Thư chung, hay Thư Công đồng] 1858:47.

Khi Hường Nhiệm và các đại thần muốn hòa hoãn, liên minh với Ki-tô giáo, sự liên minh của các giáo sĩ chỉ giai đoạn, với mục đích tối hậu là đồng hóa và Ki-tô hoá toàn dân Việt, dưới quyền sở hữu thuộc địa của nước Pháp.

2. Tuy nhiên, một thiểu số nhà duy tân Việt—qua kinh nghiệm Nhật Bản và nhà Thanh—muốn mở rộng bang giao với Espania, Bri-tên, Prussia, Nga La Tư và Mỹ.

Cuộc gặp gỡ chính thức giữa viên chức Việt và Mỹ xảy ra tại Paris. Tối 21/10/1863, trong dạ tiệc do Ngoại trưởng Pháp thiết đãi sứ đoàn Nguyễn, Phan Thanh Giản gặp Đại sứ “Y Ta Duy Nê.”

Trong không khí dạ tiệc, và dưới sự giám thị chặt chẽ của các viên chức Pháp sứ thần Nguyễn khó có cơ hội tiếp cận Đại sứ Mỹ xin cầu viện. Ngoài ra, chánh thông ngôn Aubaret cùng tùy tùng, như Petrus Key (từng theo Tư lễ Nguyễn Văn Chất mang quà tặng tới điện Tuleries ngày 5/11/1863, rồi sau này qua Madrid), bám sát sứ đoàn từng giờ. Trở ngại ngôn ngữ cũng không nhỏ. Trong khi đó, nước Mỹ đang trong cơn nội chiến; đại sứ Mỹ có nhiều việc đáng quan tâm hơn một xứ cách xa nửa vòng địa cầu được coi như nằm trong quỹ đạo Pháp. Cho tới khi có tài liệu chứng minh ngược lại, có thể tạm kết luận rằng sứ đoàn Phan Thanh Giản không tạo được một liên hệ thiết thực nào với đại diện Mỹ tại Pháp hay Espania. (117)

117. 1921, tr. 265.

Thật khó đoán biết ở thời điểm này, Nguyễn Trường Tộ đã hiểu biết gì về nước Mỹ, hay những giáo lệnh cho Portugal và Espania phân chia thế giới không Ki-tô hay chẳng.

3. Năm 1878, tức hơn 4 năm sau ngày Francis Garnier đánh chiếm 4 tỉnh Bắc Kỳ để áp lực Huế phải ký Hiệp ước 15/3/1874 và hai hiệp ước phụ bổ thương mại—cắt 6 tỉnh miền Nam, cho Pháp đặt lãnh sự ở Hà

Nội, Hải Phòng sứ Hải Dương, và Thị Nại (Bình Định), cùng tự do giao thương trên sông Hồng—Hương Nhiệm gửi phái đoàn Nguyễn Tăng Doãn và Nguyễn Thành Ý đi Pháp với ba mục đích: xin sửa đổi hòa ước 1874, mở rộng giao thiệp với các nước Espania, Phổ và Bri-tên, cùng tìm thuê chuyên viên Âu châu. Doãn về nước trước trên tàu *L'Aveyron*; Ý ở lại ít lâu, hy vọng qua Bri-tên nhưng thất bại.

Trong báo cáo ngày 11/9/1878, Doãn tâu Pháp đang mạnh; phải chờ đợi tự cường; và tin rằng thế nào Pháp cũng trả ba tỉnh Nam Kỳ. Ngày 20/12, Ý nhận xét Pháp mạnh nhất thế giới; nên thành tâm hòa với Pháp; cầu thân với các nước phương Tây; tự lực tự cường giống Nhật Bản. (118)

118. France, *Documents diplomatiques [DD]* I:84; *ĐNTLCB*, IV, 34:1877-1880, 1976:143; TTLTTU 2 (TP/HCM), CBTĐ, tam thập nhất niên, thất nguyệt-thập nguyệt, 15/8 TĐ XXXI, CB 435:96-101; tam thập nhất niên, thập nguyệt-thập nhị nguyệt, 26/11 TĐ XXXI, CB 440:189-198.

Hương Nhiệm không dấu sự bất mãn, và thất vọng. Cả ba mục đích chính đều chẳng được việc gì. Pháp không chấp thuận sửa đổi hòa ước; Espania nghi ngờ, không tiếp xúc được Bri-tên, cũng chẳng tìm được người tài. Báo cáo về chính trị (dân chủ, quốc hội), thương mại (15 sò), kỹ thuật (tàu lửa chạy giữa biển), tôn giáo (giáo chủ Vatican), phong tục (một vợ, một chồng; vợ chồng cha con đi cùng một xe, nhảy đầm) thì “đều nói hão.” (119)

119. *ĐNTLCB*, IV, 34:1877-1880, 1976:183-186.

4. Năm 1881—sau khi Pierre Rheinart cho nhà Nguyễn biết Pháp sẽ kiểm soát việc giao thiệp giữa Đại Nam và các nước khác vì thể chế “bảo hộ” đã nằm trong Hiệp ước 15/3/1874—viện Cơ Mật bàn định việc nhờ Bri-tên, Mỹ, Phổ, v.. v... can thiệp. Trong khi chờ đợi, chỉ thị khâm phái Phạm Bình, Hà Văn Trung ở Hương Cảng tìm thuê hoa tiêu và thợ máy người Tây để đưa sứ đoàn đi các nước bằng phương tiện riêng. Đồng thời tìm cách liên lạc với lãnh sự ngoại quốc ở Yên Kinh. Có thể nhờ Lý Hồng Chương và Đường Đình Canh, “cũng nói

giống ta.” Vua nói đọi Nguyễn Thành Ý về sẽ bàn thêm. Hai tháng sau, Hoàng Nhiệm cử Nguyễn Trọng Hợp, Nguyễn Thành Ý, Vũ Ngọc Tuân, Phạm Như Xương vào sứ đoàn qua Pháp, nhưng cuối cùng, “vì bận rộn, lại ngưng.”

Cách diễn tả “bận rộn” của sử Nguyễn hơi mơ hồ. Thực ra, cuối năm 1881, đầu 1882, chính sách của Hoàng Nhiệm hoàn toàn thay đổi. Chuyến đến Huế của Đường Đình Canh đầu năm 1882 đánh dấu sự thay đổi này: Sau khi được Canh (qua Nguyễn Văn Tường) mật báo kế hoạch chiếm Bắc Kỳ của Pháp, Hoàng Nhiệm chính thức yêu cầu nhà Thanh can thiệp. Không những xin làm thuộc quốc của nhà Thanh, vua còn yêu cầu đặt đại diện ở Yên Kinh và Quảng Đông, và nhờ tàu Thanh đưa người Việt đi các nước Anh, Nga, Phổ, Pháp, Mỹ, Áo, Nhật Bản “xem xét và học.” Những đề nghị này được viết thành văn bản gửi Lý Hồng Chương và Trương Thụ Thanh. (120)

120. *DNTLCB*, IV, 35:1881-1883, 1976:59-62, 85, 89-91. Báo cáo của Khoa đạo Lê Đĩnh sau chuyến đi Hongkong trở về có lẽ phần nào đóng góp vào quyết định này; *Ibid.*, 1976:86-87.

Tuy nhiên, đã quá trễ. Tháng 3/1882, chính phủ Charles de Freycinet chấp thuận cho đưa quân ra Bắc Kỳ, và cử Hải Quân Trung tá Henri Rivière làm Tư lệnh. Chuyến đi này khiến Hoàng Nhiệm và triều đình nhiều hơn là “bận rộn” trong những tháng ngày cuối đời vua.

Trong khi đó, mặc dù nhà Thanh có khả năng liên hệ với bộ Ngoại Giao Mỹ, trào lưu thế giới đã đổi thay—nên những bước ngoại giao rụt rè của Hoàng Nhiệm quá ngắn và quá chậm. Tàu chiến, binh lực và các nhà truyền giáo Pháp bắt đầu chấp nhận cuộc chơi biểu dương luật kẻ mạnh—tự xưng là “khai hóa” nếu chiến thắng, và sẽ bị sỉ nhục là “cướp nước” khi thất bại. Liên bang Mỹ, trên nguyên tắc, chẳng có căn bản pháp lý nào để trực tiếp can thiệp. Hơn nữa, chính sách ngoại giao Mỹ luôn luôn lấy Âu châu làm trọng điểm. Tại Á châu thì ngoài Nhật Bản và Xiêm La, thị trường Trung Hoa mới đủ sức quyến rũ các tài phiệt—kể cả việc tuyển dụng lao công rẻ tiền để phát triển hệ thống đường xe lửa tại nội địa Mỹ.

Việt Nam không là thánh địa của một tôn giáo hoàn cầu hay một ý thức hệ chính trị quyền rũ nào. Việt Nam cũng không rùng vàng, bể bạc như “người Hán” ở Huế ảo tưởng. Ngoài những thổ sản như đường cát, vôi quế, lúa gạo và mỏ than, sự quyền rũ nhất của Đại Nam ngày đó chỉ là khả năng mở cửa vào vùng Vân Nam—một thời được coi như cửa ngõ vào thiên đường hạ giới. Dù huyền thoại người da tím một mắt giữa trán, và những đô thị ở đó người ta có thể cúi xuống nhặt được vàng không còn lưu truyền, nhưng những mỏ tài nguyên thiên nhiên và thị trường tiêu dùng vũ khí, đạn dược, cùng các hàng hoá tại miền Tây Nam Trung Hoa thơm ngọt hơn mật ong. Vai trò phen dậu của Thiên triều này sẽ kéo dài thăm kịch Đông Dương hàng thế kỷ.

Các nước Tây phương không hẳn “cùng giuộc với nhau” như đình thần nhà Nguyễn lên án—nhưng họ cũng không muốn trở thành lá bài của Hường Nhiệm trong kế sách gọi là “dĩ man trị man;” nếu không phải chính họ đã và đang hăng hái, hữu hiệu hơn trong cùng phương cách lấy người Việt trị người Việt, tầm thực hay “ăn dân.”

Từ ngày 26/2/1862, Lãnh sự Mỹ Bangkok là Westervelt đã nghĩ rằng Cochin China có thể coi như một thuộc địa của Pháp. (121)

121. *ĐNTLCB*, IV, XLIII, 32:1870-1873, 1975:53-59; Miller, 1990:69.